

Số: **3970**/BCA-QLHC

Hà Nội, ngày **29** tháng **7** năm 2026

V/v tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định Hồ sơ dự thảo chính sách Luật Định danh và xác thực điện tử

Kính gửi: Chính phủ

Ngày 13/7/2026, Bộ Tư pháp có Báo cáo thẩm định số 389/BCTĐ-BTP về Hồ sơ dự thảo chính sách Luật Định danh và xác thực điện tử, Cơ quan soạn thảo tiếp thu, giải trình như sau:

I. VỀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH CHÍNH SÁCH VÀ PHẠM VI CHÍNH SÁCH ĐƯỢC ĐỀ XUẤT

1. Về phạm vi của các chính sách được đề xuất

Ý kiến của Bộ Tư pháp: Bên cạnh những nội dung đề xuất tại 03 Chính sách, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu kỹ lưỡng một số nội dung có liên quan đến phạm vi điều chỉnh của Hồ sơ đề nghị chính sách, ví dụ như: chính sách phát triển hoạt động định danh và xác thực điện tử (như: chưa có các cơ chế, chính sách thu hút tổ chức, cá nhân tham gia phát triển, ứng dụng hoạt động định danh và xác thực điện tử...); cơ chế thúc đẩy xã hội hóa, hợp tác công tư, phát triển dịch vụ định danh, xác thực điện tử nhưng đồng thời vẫn bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, an toàn, an ninh thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân...

Tiếp thu ý kiến tham gia, cơ quan soạn thảo có ý kiến như sau: tại chính sách 3 quy định việc mở rộng phạm vi cho phép các tổ chức ngoài nhà nước tham gia hoạt động định danh và xác thực điện tử; đồng thời, chỉ quy định khung điều kiện đảm bảo để được tham gia hoạt động này, không đặt ra yêu cầu phải được cấp giấy phép hoặc giấy chứng nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đây là cơ chế mở, tạo điều kiện thuận lợi, giảm rào cản gia nhập thị trường, qua đó khuyến khích, thu hút các tổ chức, doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, đầu tư và phát triển các sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực định danh và xác thực điện tử. Bên cạnh đó, tại nội dung liên quan đến tác động về kinh tế - xã hội đã bổ sung phân tích chi tiết liên quan đến cơ chế này tại hồ sơ chính sách của hồ sơ chính sách Luật.

II. VỀ SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG HỒ SƠ CHÍNH SÁCH LUẬT VỚI CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG

Ý kiến của Bộ Tư pháp: Đề nghị tiếp tục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước để thể chế hóa đầy đủ tại Chính sách Luật, trong đó lưu ý một số nội dung như:

- Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật xác định *phân định rõ*

thẩm quyền lập pháp và thẩm quyền lập quy, luật chỉ quy định những vấn đề thuộc thẩm quyền Quốc hội, không luật hóa các nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản dưới luật; cơ bản không quy định thủ tục hành chính, trình tự, hồ sơ trong luật mà giao Chính phủ, các bộ quy định theo thẩm quyền...; đồng thời tại khoản 2 Điều 5 Luật Tổ chức Quốc hội quy định Luật chỉ quy định các vấn đề mang tính ổn định, có giá trị lâu dài... Đối với các nội dung quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực, các vấn đề mới, có tính kiến tạo phát triển, các vấn đề chưa có thực tiễn kiểm nghiệm, luật chỉ quy định các nội dung chính sách có tính nguyên tắc, định hướng thuộc thẩm quyền của Quốc hội để thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng... Cơ bản không quy định các nội dung về thủ tục hành chính, về quy trình, quy chuẩn chuyên môn, kỹ thuật và các nội dung có tính biến động cao". Do đó, đề nghị rà soát các nội dung dự kiến quy định tại dự thảo Luật, không quy định những nội dung không thuộc thẩm quyền của Quốc hội, ví dụ như: hoạt động định danh điện tử (thu thập, kiểm tra, đối soát và chuẩn hóa thông tin về đối tượng tại Điều 11, cấp mã định danh tại Điều 12...); hoạt động xác thực điện tử (như: tiếp nhận yêu cầu và xác định đối tượng tại Điều 23, xác định mức độ xác thực điện tử tại Điều 24, lựa chọn phương tiện xác thực điện tử tại Điều 25...)

- Nghị quyết số 57-NQ/TW xác định “hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí; làm giàu, khai thác tối đa tiềm năng của dữ liệu, đưa dữ liệu thành tư liệu sản xuất chính, thúc đẩy phát triển nhanh cơ sở dữ liệu lớn, công nghiệp dữ liệu, kinh tế dữ liệu” (mục I.3), trong khi đó, tại hồ sơ Chính sách Luật đề xuất mô hình quản lý tập trung; điều này cần được đánh giá trong bối cảnh hiện nay có Trung tâm dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia (cũng được xây dựng trên cơ sở mô hình tập trung)...

Ý kiến của cơ quan soạn thảo:

(1) Đối với ý kiến về việc Luật không quy định những nội dung không thuộc thẩm quyền của Quốc hội.

Tiếp thu ý kiến tham gia, trong quá trình giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia vào dự thảo Luật Định danh và xác thực điện tử cơ quan soạn thảo sẽ tu chỉnh, hoàn thiện dự thảo Luật đảm bảo việc không quy định những nội dung không thuộc thẩm quyền của Quốc hội như quy định về thủ tục hành chính hay quy trình, quy chuẩn chuyên môn, kỹ thuật và các nội dung có tính biến động cao.

(2) Đối với ý kiến về việc xây dựng mô hình quản lý tập trung về định danh và xác thực điện tử khi đã có Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

Cơ quan soạn thảo có ý kiến như sau: Trong quá trình triển khai thực hiện hoạt động định danh và xác thực điện tử theo chủ trương của Chính phủ (từ Quyết định số 34/2021/QĐ-TTg), đã hình thành hệ thống định danh và xác thực điện tử tập trung phục vụ việc tạo lập, quản lý, khai thác và sử dụng danh tính điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Hệ thống này đã được vận hành ổn định, đáp ứng hiệu quả yêu cầu quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ định danh, xác thực điện tử. Đồng thời, tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số

11/2026/QĐ-TTg ngày 28/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia đã quy định về Cơ sở dữ liệu định danh địa điểm và Cơ sở dữ liệu danh tính điện tử.

Về bản chất kỹ thuật và pháp lý, thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia là thông tin được chia sẻ, cập nhật, đồng bộ từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành (Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia không tự thu thập, tạo lập dữ liệu trực tiếp). Trong khi đó, thông tin lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử là cơ sở dữ liệu nguồn tạo nên thông tin về danh tính điện tử và xác thực điện tử, bảo đảm đầy đủ quy trình nghiệp vụ từ thu thập, tạo lập, cập nhật, xác minh, quản lý đến khai thác thông tin phục vụ hoạt động định danh và xác thực điện tử. Dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử có thể được chia sẻ, cập nhật, đồng bộ về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia theo quy định. Vì vậy, việc xây dựng mô hình quản lý tập trung về định danh và xác thực điện tử không mâu thuẫn, trùng lặp với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử là nguồn dữ liệu dùng chung phục vụ công tác quản lý nhà nước, hoạch định chính sách và phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với chủ trương của Nghị quyết 57-NQ/TW về phát huy giá trị của dữ liệu như một tư liệu sản xuất mới. Cơ sở dữ liệu này không lưu trữ các thông tin quản lý chuyên ngành mà chỉ lưu trữ các thông tin mang tính kỹ thuật - nghiệp vụ chuyên sâu phục vụ riêng cho việc xác minh tính đúng đắn của danh tính điện tử. Các thông tin này bao gồm: mã định danh điện tử, trạng thái hoạt động của tài khoản (kích hoạt, tạm dừng, khóa), phương thức xác thực đã đăng ký (mật khẩu, khóa bảo mật, OTP, dữ liệu trắc học đã mã hóa dưới dạng đặc trưng sinh trắc học để đối soát), nhật ký lịch sử các lượt gọi xác thực giao dịch...

III. VỀ TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

Nội dung giải pháp, chính sách đề xuất tại Chính sách Luật liên quan đến một số luật nhưng tại hồ sơ chưa thực hiện đánh giá hoặc có phương án xử lý cụ thể như: Luật Giao dịch điện tử năm 2023, Luật Căn cước năm 2023, Luật Dữ liệu năm 2024, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá.... Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát các giải pháp tại hồ sơ Chính sách Luật với các luật hoặc dự án luật có liên quan để bảo đảm hơn nữa tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

Tiếp thu ý kiến tham gia, Cơ quan soạn thảo đã rà soát, hoàn thiện các giải pháp tại Báo cáo rà soát chủ trương đường lối....trong hồ sơ chính sách Luật. Ngoài ra, trong quá trình giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia vào dự thảo Luật Định danh và xác thực điện tử cơ quan soạn thảo sẽ rà soát, bổ sung phương án xử lý cụ thể đối với các nội dung đã được quy định tại Luật Giao dịch điện tử năm 2023, Luật Căn cước năm 2023, Luật Dữ liệu năm 2024, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá.... để đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.

IV. VỀ TÍNH TƯƠNG THÍCH VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN MÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN; BẢO ĐẢM YÊU CẦU VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH; NGUỒN TÀI CHÍNH; NGUỒN NHÂN LỰC

1. Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Ý kiến của Bộ Ngoại giao: hồ sơ Chính sách, cơ quan chủ trì soạn thảo đã thực hiện đánh giá tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Tuy nhiên, ngoài các điều ước quốc tế nêu tại hồ sơ Chính sách Luật thì một số điều ước quốc tế cũng liên quan trực tiếp đến hồ sơ Chính sách Luật. Trong đó, đặc biệt lưu ý các Hiệp định thương mại quốc tế liên quan đến cấp mã định danh cho sản phẩm, hàng hóa có tính chất quốc tế. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung đánh giá tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Tiếp thu ý kiến tham gia, Cơ quan soạn thảo đã rà soát, bổ sung điều ước quốc tế liên quan trực tiếp đến hồ sơ Chính sách Luật vào báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách Luật Định danh và xác thực điện tử, trong đó đã bổ sung Hiệp định chung về Thương mại Dịch vụ (GATS) thuộc hệ thống WTO, Hiệp định Thuận lợi hóa Thương mại (FTA), Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (UNTOC), Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC), Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm mạng, các khuyến nghị của Lực lượng Đặc nhiệm Tài chính (FATF) về chống rửa tiền, Khung quản trị dữ liệu số ASEAN (ASEAN Framework on Digital Data Governance)... và đánh giá tính tương thích giữa các chính sách của luật với tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Về bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh

(1) Ý kiến của đại diện Bộ Quốc phòng: Đề nghị không quy định định danh điện tử đối với các đối tượng liên quan đến quốc phòng, cơ yếu, do đối tượng dự kiến được thực hiện định danh điện tử tại hồ sơ Chính sách Luật được thực hiện phục vụ hoạt động quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia.

Tiếp thu ý kiến tham gia, trong quá trình giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia vào dự thảo Luật Định danh và xác thực điện tử Cơ quan soạn thảo sẽ phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng để thống nhất quy định về hoạt động định danh điện tử và xác thực điện tử đối với các đối tượng liên quan đến quốc phòng, cơ yếu.

(2) Ý kiến Bộ Tư pháp: Đại diện Cơ quan soạn thảo là cơ quan chủ trì soạn thảo hồ sơ Chính sách Luật, vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, báo cáo rõ vấn đề bảo đảm yêu cầu về an ninh của hồ sơ Chính sách Luật tại Tờ trình Chính phủ (và chịu trách nhiệm về vấn đề này); đồng thời, phối hợp

chặt chẽ với Bộ Quốc phòng để tiếp thu ý kiến và thực hiện đánh giá việc bảo đảm yếu tố quốc phòng của hồ sơ Chính sách Luật.

Tiếp thu ý kiến tham gia, Cơ quan soạn thảo đã rà soát, bổ sung làm rõ vấn đề bảo đảm yêu cầu về an ninh của hồ sơ Chính sách Luật tại Tờ trình Chính phủ. Đồng thời, hồ sơ chính sách đã được Bộ Quốc phòng tham gia ý kiến tại văn bản số 3531/BQP-BTL86 ngày 26/5/2026, trong đó cơ bản nhất trí về nội dung hồ sơ chính sách.

3. Về nguồn tài chính, nguồn nhân lực

3.1. Về nguồn tài chính

Ý kiến của đại diện Bộ Tài chính: đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu làm rõ các vấn đề liên quan đến nguồn lực tài chính bảo đảm cho việc tổ chức thi hành Luật và báo cáo cụ thể về nội dung này tại Tờ trình Chính phủ, đặc biệt là các nội dung như: mở rộng đối tượng định danh điện tử (việc tổ chức thực hiện định danh điện tử; kết nối, đồng bộ giữa các cơ sở dữ liệu; duy trì, quản lý đối tượng định danh điện tử...); xây dựng, quản lý và vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử...

Tiếp thu ý kiến tham gia, Cơ quan soạn thảo rà soát, bổ sung vào Tờ trình Chính phủ vấn đề liên quan đến nguồn lực tài chính bảo đảm cho việc tổ chức thi hành Luật, cụ thể tại mục 2 phần VI bổ sung: kinh tổ chức thi hành các quy định của Luật Định danh và xác thực điện tử (chi phí quản lý, chi phí tuân thủ của các tổ chức cung cấp dịch vụ, chi phí của các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ).

3.2. Về nguồn nhân lực

Ý kiến của đại diện Bộ Nội vụ: đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, làm rõ vấn đề bảo đảm nguồn nhân lực tại hồ sơ Chính sách Luật (nhất là đánh giá cụ thể về nguồn nhân lực phục vụ việc thi hành Luật, bao gồm: nhu cầu nhân lực của cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương; nhân lực vận hành, quản trị Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử, Ứng dụng định danh quốc gia và các hệ thống kết nối,...); đồng thời, cần xác định rõ phương án đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng nhân lực, lộ trình triển khai phù hợp để bảo đảm tính khả thi của chính sách sau khi Luật được ban hành và báo cáo rõ tại Tờ trình Chính phủ về vấn đề này.

Tiếp thu ý kiến tham gia, Cơ quan soạn thảo đã rà soát, bổ sung vào Tờ trình Chính phủ liên quan đến nguồn lực bảo đảm thực hiện Luật, theo đó, xác định phương án bảo đảm nguồn nhân lực có đủ năng lực chuyên môn để vận hành ngay khi Luật có hiệu lực, việc bố trí và sử dụng nhân sự được thực hiện trên nguyên tắc: tận dụng tối đa nguồn lực sẵn có không phát sinh tổ chức bộ máy mới; có chính sách đào tạo cho đội ngũ hiện có, thu hút chuyên gia tham gia vào hoạt động định danh và xác thực điện tử. Bên cạnh đó, Tờ trình cũng đã bổ sung đánh giá cụ thể về nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ triển khai Luật.

Đối với hạ tầng kỹ thuật, ngày 25/6/2026, Chính phủ đã ban hành Quyết định 940/QĐ-CP phê duyệt Đề án “phát triển Ứng dụng định danh quốc gia

VNeID giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045”, trong đó, định hướng VNeID trở thành siêu ứng dụng quốc gia. Vì vậy, trong quá trình triển khai Luật có thể kế thừa, khai thác, tận dụng hạ tầng kỹ thuật được nâng cấp của VNeID góp phần giảm chi phí đầu tư.

V. VỀ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, VIỆC BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC

Ý kiến Hội đồng thẩm định và Bộ Tư pháp: đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu đánh giá, đặc biệt là những giải pháp dẫn đến việc phát sinh TTHC mới, chưa phù hợp với pháp luật hiện hành cũng như chủ trương cắt giảm điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính... (như: tại Chính sách 3 bổ sung điều kiện và thực hiện thông báo cho Cơ quan soạn thảo về các đối tượng thực hiện định danh, trường thông tin trong danh tính điện tử được cấp, hệ thống và phương án thực hiện định danh điện tử trước khi cung cấp dịch vụ...).

Tiếp thu ý kiến tham gia, Cơ quan soạn thảo đã bổ sung báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính (*gửi kèm hồ sơ chính sách Luật*) trong đó đánh giá đầy đủ về thủ tục hành chính phát sinh trong dự án Luật. Trong thời gian tới, khi tiếp tục rà soát, chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện dự thảo Luật, cơ quan soạn thảo sẽ tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh quy định của Luật theo hướng quy định hoạt động định danh được thực hiện dựa trên dữ liệu sẵn có của các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; quy định điều kiện để các cơ quan, tổ chức được cung cấp các dịch vụ định danh điện tử và xác thực điện tử, khi có đủ điều kiện cơ quan, tổ chức có thể cung cấp dịch vụ và cơ quan nhà nước thực hiện hậu kiểm việc đảm bảo điều kiện đó, từ đó hạn chế tối đa làm phát sinh thủ tục hành chính.

2. Về việc phân quyền, phân cấp

2.1. Ý kiến đại diện Bộ Nội vụ:

Đề nghị tại hồ sơ Chính sách Luật cần nghiên cứu bổ sung nguyên tắc phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước về định danh và xác thực điện tử, theo đó, cần xác định rõ thẩm quyền của Chính phủ, trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp; làm rõ cơ quan chủ trì, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan để bảo đảm thống nhất quản lý, tránh chồng chéo, trùng lặp trong quá trình tổ chức thực hiện. Đặc biệt là trong quản lý, vận hành và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử.

Tiếp thu ý kiến tham gia, Cơ quan soạn thảo đã rà soát, bổ sung nguyên tắc phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước về định danh và xác thực điện tử tại dự thảo hồ sơ chính sách Luật, đồng thời cụ thể hóa trách nhiệm quản lý nhà nước của Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp tại dự thảo Luật, trong đó giao Chính phủ quy định chi tiết về trách nhiệm quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ và việc quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực

điện tử để đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ để bảo đảm thống nhất quản lý, tránh chồng chéo, trùng lặp trong quá trình tổ chức thực hiện.

2.2. Ý kiến Hội đồng thẩm định và Bộ Tư pháp: đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, làm rõ thêm những nội dung phân quyền, phân cấp trong hồ sơ Chính sách Luật để bảo đảm phù hợp, thống nhất giữa nội dung với mục tiêu xây dựng chính sách.

Tiếp thu ý kiến tham gia, Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, làm rõ thêm những nội dung phân quyền, phân cấp trong hồ sơ Chính sách Luật để bảo đảm phù hợp, thống nhất giữa nội dung với mục tiêu xây dựng chính sách.

3. Về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Ý kiến của đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ: đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc kỹ lưỡng các ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ, chỉnh lý, bổ sung và làm rõ vấn đề liên quan đến chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hoạt động định danh và xác thực điện tử (đặt trong mối quan hệ với các pháp luật có liên quan, bảo đảm các giải pháp/chính sách đề xuất không làm tăng thêm gánh nặng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân và phải đặt trong tổng thể phát triển chung về dữ liệu, cơ sở dữ liệu...) để báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.

Tiếp thu ý kiến tham gia, Cơ quan soạn thảo đã rà soát, bổ sung đánh giá tác động về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hoạt động định danh và xác thực điện tử tại dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách đối với mỗi chính sách, cụ thể: đối với Chính sách 1, đánh giá tác động thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong việc cấp, quản lý và sử dụng mã định danh thống nhất; đối với Chính sách 2, đánh giá việc phát triển hạ tầng dữ liệu, nền tảng và các tiện ích số phục vụ chuyển đổi số quốc gia; đối với Chính sách 3, đánh giá tác động khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp công nghệ tham gia cung cấp dịch vụ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Các nội dung đánh giá bảo đảm phù hợp với Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 68-NQ/TW, không làm tăng thêm gánh nặng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân và được đặt trong tổng thể phát triển chung về dữ liệu, cơ sở dữ liệu.

4. Về việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc

4.1. Về bảo đảm bình đẳng giới: đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát nội dung Chính sách và nêu rõ vấn đề bình đẳng giới tại dự thảo Tờ trình.

Tiếp thu ý kiến tham gia, Cơ quan soạn thảo đã rà soát, bổ sung vào dự thảo Tờ trình hồ sơ chính sách Luật. Theo đó, dự thảo Tờ trình nêu rõ các chính sách, giải pháp về định danh và xác thực điện tử được áp dụng bình đẳng, không tạo ra sự phân biệt đối xử về giới, bảo đảm phụ nữ và nam giới có cơ hội tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ như nhau.

4.2. Về vấn đề chính sách dân tộc, đại diện Bộ Dân tộc và tôn giáo: đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung một số giải pháp/chính sách liên

quan đến dân tộc như: chính sách ưu tiên cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, hạn chế về kỹ năng số, cơ sở vật chất... và báo cáo rõ vấn đề bảo đảm chính sách dân tộc tại Tờ trình.

Tiếp thu ý kiến tham gia, Cơ quan soạn thảo đã rà soát, bổ sung vào dự thảo Tờ trình Chính phủ về một số chính sách liên quan đến dân tộc. Theo đó, dự thảo Tờ trình bổ sung định hướng ưu tiên hỗ trợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo trong tiếp cận dịch vụ định danh và xác thực điện tử, khắc phục hạn chế về kỹ năng số và điều kiện cơ sở vật chất. Ngoài ra, dự thảo Luật không hạn chế việc tiếp cận các dịch vụ định danh và xác thực đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đồng thời đây còn là một phương thức mới giúp đồng bào dân tộc thiểu số có điều kiện tiếp cận với khoa học, công nghệ; các chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện theo quy định chung của nhà nước về chế độ an sinh xã hội đối với dân tộc thiểu số, trong đó có chính sách hỗ trợ tiếp cận dịch vụ viễn thông công ích...

VI. VIỆC TUÂN THỦ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH LUẬT ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ

1. Về trình tự, thủ tục xây dựng Chính sách

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục tổ chức việc truyền thông chính sách và tiến hành lấy ý kiến góp ý một cách thực chất, toàn diện, rộng rãi và có trọng tâm, trọng điểm đối với các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan, đặc biệt là các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của hồ sơ Chính sách Luật; đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến để bảo đảm khả năng tiếp cận, tham gia đầy đủ, thuận lợi của các đối tượng... Trên cơ sở đó, cần nghiên cứu, tiếp thu, giải trình một cách nghiêm túc, đầy đủ, khách quan, thấu đáo và hợp lý các ý kiến góp ý, bảo đảm phản ánh đúng khả năng thực tiễn, nhu cầu và khả năng tuân thủ của các chủ thể chịu sự điều chỉnh của pháp luật.

Tiếp thu ý kiến tham gia, cơ quan soạn thảo sẽ tiếp tục tổ chức việc truyền thông chính sách và tiến hành lấy ý kiến góp ý một cách thực chất, toàn diện, rộng rãi và có trọng tâm, trọng điểm đối với các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan, đặc biệt là các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của hồ sơ Chính sách Luật; đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến để bảo đảm khả năng tiếp cận, tham gia đầy đủ, thuận lợi của các đối tượng... Đồng thời, tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu, giải trình một cách nghiêm túc, đầy đủ, khách quan, thấu đáo và hợp lý các ý kiến góp ý, bảo đảm phản ánh đúng khả năng thực tiễn, nhu cầu và khả năng tuân thủ của các chủ thể chịu sự điều chỉnh của pháp luật.

2. Về hồ sơ Chính sách Luật

2.1. Về dự thảo Tờ trình

Đối với dự thảo Tờ trình, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện dự thảo Tờ trình theo Mẫu số 01 Phụ lục IV Nghị định 78/2025/NĐ-CP và lưu ý bổ sung nội dung “*nêu rõ: việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước; vấn đề chưa được pháp luật quy định hoặc đã có quy định*

nhưng chưa phù hợp; vướng mắc, bất cập từ thực tiễn; nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; nội dung phân quyền, phân cấp; vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết” (khoản 3 Điều 6)...và chính lý Tờ trình theo đúng chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ. Ngoài ra, đề nghị cơ quan lập đề xuất chính sách rà soát tổng thể các Chính sách tại dự thảo Tờ trình nhằm bảo đảm tính khả thi trong việc tổ chức thực hiện; đồng thời, bảo đảm các giải pháp chính sách đưa ra phải cụ thể, chi tiết, rõ định hướng làm căn cứ cho việc phân tích, đánh giá tác động để các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Tiếp thu ý kiến tham gia, Cơ quan soạn thảo đã chỉnh lý Tờ trình theo đúng chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ và nêu rõ nội dung “việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước; vấn đề chưa được pháp luật quy định hoặc đã có quy định nhưng chưa phù hợp; vướng mắc, bất cập từ thực tiễn; nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; nội dung phân quyền, phân cấp; vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết”. Đồng thời, cơ quan soạn thảo đã rà soát tổng thể các Chính sách tại dự thảo Tờ trình nhằm bảo đảm tính khả thi trong việc tổ chức thực hiện sau khi Luật được ban hành (nhất là các vấn đề như nguồn lực tổ chức thực hiện, vấn đề cải cách thủ tục hành chính...), bảo đảm các giải pháp chính sách đưa ra phải cụ thể, chi tiết, rõ định hướng làm căn cứ cho việc phân tích, đánh giá tác động.

2.2. Về Báo cáo đánh giá tác động chính sách

(1) Nội dung đánh giá tác động của chính sách đối với hệ thống pháp luật và các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên mới chỉ nêu tác động của giải pháp đối với hệ thống pháp luật một cách chung chung mà thực hiện đánh giá, vì vậy, *cần rà soát các quy định pháp luật để sửa đổi, bổ sung bảo đảm thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật...* trong khi đó tác động của chính sách đối với hệ thống pháp luật có ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống kinh tế - xã hội...

Tiếp thu ý kiến tham gia, Cơ quan soạn thảo đã bổ sung đánh giá đối với hệ thống pháp luật tại báo cáo đánh giá tác động chính sách đối với giải pháp 3 Chính sách 1 và giải pháp 3 Chính sách 2. Theo đó, bổ sung đánh giá tiêu cực đối với giải pháp 3 Chính sách 1 đó là phải bổ sung các nội dung giải thích từ ngữ mới do hệ thống pháp luật chưa quy định; bổ sung đánh giá tiêu cực giải pháp 3 Chính sách số 2 việc cần rà soát các quy định pháp luật để sửa đổi, bổ sung bảo đảm thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

(2) Nội dung đánh giá tác động kinh tế - xã hội của chính sách còn mang tính định tính, chưa đánh giá được toàn diện về chi phí, lợi ích, tác động tích cực và tiêu cực đối với từng nhóm đối tượng chịu tác động, bao gồm Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân, trong khi đó tại Chính sách đề xuất mở rộng đối tượng định danh điện tử. Bên cạnh đó, nhiều nội dung nhận định chưa thật sự phù hợp với các giải pháp đề xuất. Ví dụ như: Giải pháp 3 Chính

sách 1 đề xuất mở rộng phạm vi đối tượng định danh điện tử, nhưng xác định rõ đối tượng nào phải thực hiện bắt buộc thực hiện định danh điện tử, đối tượng nào tự nguyện thực hiện định danh điện tử. Điều này dẫn đến việc chưa thực hiện đánh giá đầy đủ về chi phí, lợi ích của việc bổ sung đối tượng đến các đối tượng chịu tác động.

Tiếp thu ý kiến tham gia, cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, chỉnh lý và bổ sung nội dung đánh giá tác động kinh tế - xã hội của Giải pháp 3 thuộc Chính sách 1 theo hướng làm rõ chi phí, lợi ích, tác động tích cực và tác động tiêu cực đối với từng nhóm đối tượng chịu tác động, gồm: Nhà nước; cơ quan, tổ chức thực hiện hoạt động định danh và xác thực điện tử; tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử; doanh nghiệp, tổ chức sử dụng dịch vụ; người dân; chủ thể sở hữu, quản lý đối tượng được định danh.

Đồng thời, Báo cáo đã bổ sung, làm rõ phạm vi và nguyên tắc áp dụng chính sách theo hướng việc mở rộng đối tượng định danh điện tử không đồng nghĩa với việc bắt buộc áp dụng đối với tất cả các đối tượng. Việc định danh điện tử được thực hiện phù hợp với từng nhóm đối tượng, yêu cầu quản lý nhà nước, mức độ rủi ro và nhu cầu tham gia giao dịch, thủ tục hành chính.

Theo đó, đối với các đối tượng cần định danh để phục vụ quản lý nhà nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh, truy xuất nguồn gốc, xác lập quyền sở hữu, quyền quản lý hoặc phòng ngừa gian lận thì thực hiện theo quy định bắt buộc; đối với các đối tượng còn lại, việc định danh được thực hiện theo nhu cầu của chủ thể sở hữu, quản lý hoặc theo yêu cầu của pháp luật trong từng lĩnh vực.

Trên cơ sở đó, Báo cáo đã bổ sung đánh giá chi phí đầu tư, chi phí tuân thủ, chi phí kết nối, vận hành và lợi ích mang lại đối với từng nhóm đối tượng; đồng thời đề xuất các giải pháp giảm thiểu chi phí phát sinh như kế thừa dữ liệu và quy trình hiện có, không yêu cầu cung cấp lại thông tin đã được cơ quan nhà nước quản lý, thực hiện theo lộ trình phù hợp và có chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Giải pháp 3 Chính sách 2 nhận định ưu điểm là *giải pháp không làm phát sinh nhu cầu đầu tư mới về hạ tầng, do được triển khai trên nền tảng định danh quốc gia và ứng dụng VNeID hiện có...* nhưng theo quy định khoản 14 Điều 4 Luật Căn cước thì *hệ thống định danh và xác thực điện tử là hệ thống thông tin để thực hiện đăng ký, tạo lập, quản lý tài khoản định danh điện tử và thực hiện xác thực điện tử*, trong khi đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 31 dự thảo Luật thì hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia gồm: *Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử; ... Giao diện lập trình ứng dụng mở...* Như vậy, việc thực hiện nội dung này có khả năng phát sinh nguồn đầu tư mới để nâng cấp hạ tầng sẵn có nhằm xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử; đầu tư, thiết lập hệ thống, nền tảng và cơ sở hạ tầng để tổ chức, cá nhân thực hiện định danh điện tử (điểm a khoản 2 Điều 8 dự thảo Luật).

Bên cạnh đó, nội dung hạn chế tại giải pháp này mới chỉ thực hiện đánh giá *giải pháp có thể tạo áp lực nhất định đối với ngân sách nhà nước trong đầu*

tư hạ tầng công nghệ, bảo mật và duy trì hệ thống. Việc sử dụng chữ ký số và nền tảng số cũng có thể phát sinh chi phí tiếp cận, ảnh hưởng nhất định đến khả năng... nhưng chưa đánh giá đầy đủ chi phí của tổ chức, cá nhân thực hiện chia sẻ, kết nối, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử; tổ chức, cá nhân phải thực hiện việc định danh điện tử đối với các đối tượng định danh điện tử thuộc thẩm quyền định danh điện tử của mình...

Tiếp thu ý kiến tham gia, Cơ quan soạn thảo đã rà soát, chỉnh lý nội dung đánh giá tác động của Giải pháp 3 thuộc Chính sách 2 theo hướng làm rõ việc kế thừa, tận dụng hệ thống định danh và xác thực điện tử, nền tảng định danh và xác thực điện tử và Ứng dụng định danh quốc gia hiện có giúp giảm nhu cầu đầu tư mới, hạn chế đầu tư trùng lặp và tối ưu nguồn lực đã được Nhà nước đầu tư, nhưng vẫn phát sinh nhu cầu xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử, nâng cấp, mở rộng hạ tầng kỹ thuật, năng lực lưu trữ, xử lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu và phát triển các chức năng, tiện ích mới.

Đồng thời, Báo cáo đã chỉnh lý nội dung đánh giá tác động theo hướng bổ sung đầy đủ chi phí đối với từng nhóm đối tượng chịu tác động tại giải pháp 3 Chính sách 1, gồm: chi phí của Nhà nước trong đầu tư, nâng cấp, vận hành và bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống; chi phí của cơ quan, tổ chức trong chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu; chi phí của tổ chức cung cấp dịch vụ trong đầu tư hạ tầng, tích hợp kỹ thuật, duy trì kết nối và đáp ứng các điều kiện theo quy định; chi phí của tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện định danh điện tử đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý, sở hữu hoặc thẩm quyền của mình.

Bên cạnh đó, Báo cáo đã bổ sung các giải pháp kiểm soát, tối ưu chi phí như kế thừa hạ tầng và dữ liệu hiện có, triển khai theo lộ trình, sử dụng hạ tầng dùng chung, chuẩn hóa kết nối, phân định trách nhiệm đầu tư giữa Nhà nước và khu vực tư nhân, không yêu cầu cung cấp lại dữ liệu đã có, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong quá trình triển khai, bảo đảm chi phí phát sinh phù hợp với phạm vi, quy mô và hiệu quả khai thác, sử dụng.

2.3. Về Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách Luật Định danh và xác thực điện tử (Báo cáo số 1267/BC-BCA ngày 19/6/2026 của Bộ Công an)

Ngoài các văn bản được rà soát tại Báo cáo số 1267/BC-BCA, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung một số văn bản như: Kết luận số 195-KL/TW ngày 26/9/2025 của Ban Bí thư về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp; Nghị quyết số 66.7/2025 ngày 15/11/2025 của Chính phủ Quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu... Bên cạnh đó, như đã nêu tại mục IV.1 Báo cáo thẩm định này, đề nghị nghiên cứu bổ sung các điều ước quốc tế có liên quan đến hồ sơ Chính sách Luật mà Việt Nam là thành viên, bên cạnh đó, đề nghị rà soát, lược bỏ một số văn bản/điều ước quốc tế nêu tại Báo cáo số 1267/BC-BCA như:

- Một số nội điều ước nêu tại Báo cáo 1267/BC-BCA nhưng Việt Nam chưa là thành viên của các điều ước này, ví dụ: Công ước Liên hợp quốc về sử dụng giao dịch điện tử trong các hợp đồng quốc tế năm 2005...

Tiếp thu ý kiến tham gia, cơ quan soạn thảo đã rà soát, bổ sung các văn bản như: Kết luận số 195-KL/TW ngày 26/9/2025 của Ban Bí thư về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp; Nghị quyết số 66.7/2025 ngày 15/11/2025 của Chính phủ Quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu... có liên quan đến chính sách Luật Định danh và xác thực điện tử, đồng thời lược bỏ nội dung trên ra khỏi báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách Luật Định danh và xác thực điện tử.

- Một số văn bản nêu không phải là điều ước quốc tế, chẳng hạn như: Luật mẫu UNCITRAL về Thương mại điện tử (1996, sửa đổi 1998) và Luật mẫu UNCITRAL về Chữ ký điện tử (2001); Kế hoạch tổng thể về Cộng đồng kinh tế ASEAN 2025 (AEC Blueprint 2025)...

Tiếp thu ý kiến tham gia, cơ quan soạn thảo đã lược bỏ nội dung trên ra khỏi báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách Luật Định danh và xác thực điện tử.

2.4. Về dự thảo Luật

a) Khoản 2 Điều 5 quy định *trường hợp luật khác ban hành sau ngày Luật Định danh và Xác thực điện tử có hiệu lực thi hành có quy định khác với quy định của Luật Định danh và Xác thực điện tử thì phải xác định cụ thể nội dung thực hiện hoặc không thực hiện theo quy định của Luật này và nội dung thực hiện theo quy định của luật khác đó*. Trong khi đó, tại Kết luận số 09-KL/TW xác định việc *bổ sung nguyên tắc áp dụng pháp luật trong trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề theo hướng ưu tiên áp dụng quy phạm pháp luật chuyên ngành so với quy phạm pháp luật chung*. Tuy nhiên, tại hồ sơ Chính sách Luật chưa xác định Luật này là luật chung hay luật chuyên ngành. Do đó, đề nghị nghiên cứu xác định tại dự thảo Tờ trình, trên cơ sở đó quy định nguyên tắc áp dụng pháp luật cho thống nhất định hướng tại Kết luận số 09-KL/TW.

Tiếp thu ý kiến tham gia, trong quá trình, giải trình tiếp thu ý kiến tham gia vào dự thảo Luật Định danh và xác thực điện tử, cơ quan soạn thảo sẽ lược bỏ nội dung quy định này tại dự thảo luật và áp dụng quy định chung của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Khoản 4 Điều 27 quy định *dữ liệu về kết quả xác thực từ Hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia, hệ thống của tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử trong mô hình xác thực tập trung và trung gian và hệ thống của bên sử dụng dịch vụ xác thực điện tử trong mô hình xác thực tự chủ được sử dụng làm nguồn chứng cứ theo quy định của pháp luật về tố tụng*.

Trong khi đó, khoản 2 Điều 11 Luật Giao dịch điện tử quy định thông điệp điện tử có giá trị dùng làm chứng cứ, trong đó xác định: *Giá trị dùng làm chứng cứ của thông điệp dữ liệu được xác định căn cứ vào độ tin cậy của cách thức khởi tạo, gửi, nhận hoặc lưu trữ thông điệp dữ liệu; cách thức bảo đảm và duy trì tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu; cách thức xác định người khởi tạo, gửi, nhận thông điệp dữ liệu và các yếu tố phù hợp khác; và khoản 3 Điều 99 Luật Tổ tụng hình sự quy định Giá trị chứng cứ của dữ liệu điện tử được xác định căn cứ vào cách thức khởi tạo, lưu trữ hoặc truyền gửi dữ liệu điện tử; cách thức bảo đảm và duy trì tính toàn vẹn của dữ liệu điện tử; cách thức xác định người khởi tạo và các yếu tố phù hợp khác.* Do đó, đề nghị nghiên cứu chỉnh lý để bảo đảm thống nhất.

Tiếp thu ý kiến tham gia, trong quá trình, giải trình tiếp thu ý kiến tham gia vào dự thảo Luật Định danh và xác thực điện tử, cơ quan soạn thảo sẽ chỉnh lý, bảo đảm thống nhất với Luật Tổ tụng hình sự.

c) Về điều khoản chuyển tiếp (Điều 50)

Dự thảo Luật đã quy định điều khoản chuyển tiếp, tuy nhiên, nội dung dự thảo Luật phát sinh nhiều chính sách mới, do đó, ngoài các nội dung quy định tại Điều 50 đề nghị nghiên cứu bổ sung chuyển tiếp hoặc lộ trình thực hiện để tránh tạo khoảng trống pháp lý đối với một số nội dung như: việc sử dụng chữ ký số; việc kết nối tài khoản tài chính với ứng dụng VNeID...

Tiếp thu ý kiến tham gia, trong quá trình, giải trình tiếp thu ý kiến tham gia vào dự thảo Luật Định danh và xác thực điện tử, cơ quan soạn thảo sẽ bổ sung chuyển tiếp hoặc lộ trình thực hiện để tránh tạo khoảng trống pháp lý đối với một số nội dung được quy định mới tại dự thảo Luật.

VII. VỀ MỘT SỐ NỘI DUNG CỤ THỂ TẠI HỒ SƠ CHÍNH SÁCH LUẬT ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ

2.1. Về nội dung các chính sách

a) Về tên Chính sách

(1) Hồ sơ Chính sách xác định 03 Chính sách, tuy nhiên, tên Chính sách chưa thật sự phù hợp với yêu cầu tại Điều 9 Thông tư số 26/2025/TT-BTP (theo đó việc xác định tên chính sách phải căn cứ vào mục tiêu, giải pháp, đối tượng tác động của chính sách. Tên chính sách cần thể hiện được giải pháp để giải quyết một hoặc một số vấn đề của thực tiễn) theo đó tên chính sách còn thể hiện cả mục tiêu và nội dung giải pháp, do đó, đề nghị nghiên cứu chỉnh lý, chẳng hạn như: Chính sách 1 về *thiết lập cơ chế cấp mã định danh và xác thực điện tử thống nhất, duy nhất cho chủ thể, đối tượng, không gian, dữ liệu và quá trình giao dịch trong quản lý nhà nước, kinh tế - xã hội số* (chính sách này hướng tới mở rộng mã định danh điện tử so với quy định pháp luật hiện hành); Chính sách 3 về *phát triển dịch vụ định danh, xác thực điện tử theo mô hình Nhà nước thiết lập nền tảng, điều phối liên thông; tổ chức, doanh nghiệp tham gia cung cấp*

dịch vụ; và công nhận hợp tác quốc tế nhưng Hội đồng thẩm định cho rằng đây là mục tiêu hướng tới mà không phải là Chính sách.

Tiếp thu ý kiến tham gia, qua rà soát, đối chiếu với các yêu cầu của Điều 9 Thông tư số 26/2026/TT-BTP, cơ quan soạn thảo thấy rằng tên chính sách 1 và tên chính sách 3 tại hồ sơ chính sách luật, đã phản ánh mối liên hệ giữa mục tiêu, giải pháp, đối tượng tác động, đồng thời nêu lên phương án giải quyết các vấn đề thực tiễn hiện nay, cụ thể như sau:

- *Đối với Chính sách 1*, việc xác định tên Chính sách 1 là **“Thiết lập cơ chế cấp mã định danh và xác thực điện tử thống nhất, duy nhất cho chủ thể, đối tượng, không gian, dữ liệu và quá trình giao dịch trong quản lý nhà nước, kinh tế - xã hội số”** đã thể hiện mục tiêu chính sách hướng tới thiết lập cơ chế định danh và xác thực điện tử thống nhất, duy nhất trong quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội số, khắc phục tình trạng phân tán, chồng chéo trong quy định giữa các bộ, ngành, qua đó hình thành nền tảng quản trị số đồng bộ.

Về giải pháp, cụm từ “Thiết lập cơ chế cấp mã định danh và xác thực điện tử” thể hiện rõ phương thức giải quyết vấn đề thông qua việc ban hành các quy phạm toàn diện nhằm xác lập thẩm quyền, quy trình và tiêu chuẩn cấp mã định danh số trên toàn quốc.

Đồng thời, tên chính sách cũng xác định rõ phạm vi đối tượng tác động, bao gồm: “chủ thể” (cơ quan, tổ chức, cá nhân); “đối tượng” (bao gồm các thực thể tồn tại dưới dạng vật chất và phi vật chất, dữ liệu cốt lõi); “không gian” (địa điểm, không gian vật lý và không gian mạng); và “quá trình giao dịch” (các hoạt động, sự kiện, hành vi pháp lý).

Với cách tiếp cận này, Chính sách 1 đã giải quyết yêu cầu thực tiễn về việc hình thành một khuôn khổ pháp lý thống nhất cho hoạt động định danh và xác thực điện tử, tạo cơ sở phát triển hạ tầng quản trị số đồng bộ, an toàn và tin cậy. Vì vậy, cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên tên Chính sách 1.

- *Đối với Chính sách 3*, việc xác định tên chính sách **“Phát triển dịch vụ định danh, xác thực điện tử theo mô hình Nhà nước thiết lập nền tảng, điều phối liên thông; tổ chức, doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ; và công nhận hợp tác quốc tế”** đã thể hiện mục tiêu cốt lõi chính sách đó là “Phát triển dịch vụ định danh, xác thực điện tử”, hướng tới xây dựng và mở rộng một thị trường dịch vụ tin cậy số an toàn, đồng bộ trên quy mô toàn quốc, nâng cao chất lượng và tính sẵn sàng của các tiện ích định danh phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

Về giải pháp, tên chính sách đã thể hiện rõ mô hình tổ chức thực hiện, trong đó, Nhà nước thống nhất quản lý, trực tiếp cung cấp dịch vụ cho các đối tượng đặc thù, cốt lõi (cơ quan, tổ chức, cá nhân, địa điểm, dữ liệu quan trọng, bí mật nhà nước) và thiết lập cơ sở hạ tầng chung để kết nối, chia sẻ dữ liệu; đồng thời, khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp, các đơn vị ngoài công lập chủ động tham gia cung cấp dịch vụ, giải pháp đối với nhóm đối tượng không thuộc

phạm vi độc quyền của Nhà nước theo cơ chế hậu kiểm, không cần xin phép trước nhằm tối ưu hóa nguồn lực xã hội.

Về đối tượng tác động, chính sách bao quát toàn diện các chủ thể chịu sự điều chỉnh bao gồm các cơ quan quản lý nhà nước (với vai trò điều phối); các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ (với vai trò cung cấp dịch vụ); và các chủ thể tham gia giao dịch điện tử cả trong và ngoài nước được thụ hưởng thông qua cơ chế công nhận hợp tác quốc tế. Đồng thời, chính sách góp phần giải quyết các yêu cầu thực tiễn về tăng cường liên thông, huy động nguồn lực xã hội tham gia phát triển dịch vụ định danh, xác thực điện tử và tạo cơ sở pháp lý cho hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này. Ngoài ra, kết cấu tên chính sách cũng gián tiếp định hình hệ thống mô hình xác thực đa dạng (tập trung, trung gian, tự chủ) để thích ứng linh hoạt với thực tiễn phát triển công nghệ.

Tuy nhiên, để đảm bảo quy định về kỹ thuật lập pháp, cơ quan soạn thảo điều chỉnh tên chính sách như sau: ***“Chính sách 3: Phát triển dịch vụ định danh, xác thực điện tử theo mô hình Nhà nước thiết lập nền tảng, điều phối liên thông, tổ chức, doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ và công nhận hợp tác quốc tế”***

(2) Bên cạnh đó, tên Chính sách 2 là xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử, gắn với phát triển ứng dụng định danh quốc gia (VNelD) để khai thác, chia sẻ dữ liệu và cung cấp dịch vụ số thống nhất nhưng phạm vi nội dung của chính sách rộng hơn tên gọi thể hiện. Ngoài xây dựng Cơ sở dữ liệu còn đề xuất các giải pháp như: *Cấp chữ ký số và phương thức xác thực khác phục vụ dịch vụ công, chuyển đổi số; Ghi nhận mức độ tham gia chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức, cá nhân...* Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu chỉnh lý tên Chính sách để bảo đảm bao quát vấn đề cần điều chỉnh.

Đối với tên chính sách 2, cơ quan soạn thảo thấy rằng tên chính sách đã đảm bảo tính khoa học, chuẩn mực và tuân thủ chặt chẽ quy định tại Điều 9 Thông tư số 26/2026/TT-BTP.

Về mục tiêu, chính sách hướng tới hình thành hạ tầng dữ liệu thống nhất phục vụ khai thác, chia sẻ dữ liệu và cung cấp dịch vụ số đồng bộ trên phạm vi toàn quốc, phát huy giá trị của dữ liệu trong quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và phát triển kinh tế - xã hội số. Theo đó, tên chính sách đã thể hiện được mục tiêu chính sách tại cụm từ *“để khai thác, chia sẻ dữ liệu và cung cấp dịch vụ số thống nhất”* phản ánh định hướng tối ưu hóa giá trị của dữ liệu thông qua cơ chế chia sẻ liên thông giữa các cơ quan nhà nước và cung cấp các dịch vụ số đồng bộ, tiện ích, thống nhất cho toàn xã hội. Đồng thời, tên chính sách đã thể hiện rõ hai trụ cột giải pháp kỹ thuật - pháp lý cốt lõi được đề xuất đó là *“Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử”* để tạo nền tảng hạ tầng dữ liệu gốc, thống nhất và chuẩn hóa ở quy mô quốc gia về định danh và xác thực điện tử và *“Gắn với phát triển ứng dụng định danh quốc gia (VNelD)”* để trực tiếp hiện thực hóa hạ tầng dữ liệu thông qua 05 nhóm chức năng cốt lõi

được quy định (quản lý dữ liệu; tích hợp chữ ký số công cộng; cung cấp dịch vụ công; thanh toán an sinh xã hội; và kênh giao tiếp số Nhà nước - công dân).

Về đối tượng tác động, chính sách điều chỉnh hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước (vận hành và chia sẻ dữ liệu), các tổ chức cung cấp dịch vụ số (khai thác nền tảng), cơ quan, tổ chức, cá nhân (đối tượng trực tiếp sử dụng ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) để thực hiện các giao dịch hành chính, an sinh xã hội).

Đồng thời, tên chính sách đã đưa ra giải pháp giải quyết các nút thắt thực tiễn hiện nay như: sự phân tán dữ liệu định danh, thiếu công cụ xác thực tập trung và rào cản trong tiếp cận dịch vụ công, an sinh xã hội của người dân thông qua việc tích hợp đa dịch vụ trên một ứng dụng duy nhất (VNeID), chính sách giải quyết yêu cầu hiện đại hóa dịch vụ công hành chính, bảo đảm an sinh xã hội nhanh chóng và thiết lập kênh tương tác số trực tiếp, minh bạch giữa Nhà nước và công dân.

Do đó, cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên tên chính sách 2 như hiện nay theo hồ sơ chính sách Luật.

b) Về xây dựng nội dung Chính sách

Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 26/2025/TT-BTP quy định việc xây dựng Chính sách phải dựa trên việc xác định vấn đề và nguyên nhân của từng vấn đề cần được xử lý bằng chính sách, tuy nhiên, một số giải pháp/chính sách được đề xuất lại chưa thật sự phù hợp với vấn đề và nguyên nhân của từng vấn đề được xác định, ví dụ như: dự thảo Tờ trình xác định cơ sở thực tiễn xây dựng Luật là *quá trình phát triển hạ tầng số quốc gia, triển khai các mô hình đô thị thông minh và mở rộng các nền tảng dịch vụ số trong nhiều lĩnh vực như giao thông, tài chính, y tế, giáo dục đang đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hình thành khung pháp lý về định danh và xác thực điện tử thống nhất, tin cậy và có khả năng liên thông trên phạm vi toàn quốc...* (mục I.2 trang 8), tuy nhiên, tại Chính sách 1 mặc dù đã đưa ra đối tượng định danh điện tử nhưng không đặt ra yêu cầu bắt buộc định danh toàn bộ đối với các đối tượng trong lĩnh vực nêu trên (đề xuất một số đối tượng được định danh điện tử là trên yêu cầu tự nguyện của cá nhân (nội dung đánh giá TTHC tại giải pháp 3))... Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu chỉnh lý để bảo đảm thống nhất trong hồ sơ Chính sách Luật.

Tiếp thu ý kiến tham gia, Cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh nội dung dự thảo Tờ trình, Báo cáo đánh giá tác động chính sách và nội dung tại Chính sách 1, bảo đảm thống nhất giữa thực trạng, nguyên nhân, mục tiêu và giải pháp chính sách.

Theo đó, hồ sơ chính sách đã làm rõ việc xây dựng khung pháp lý về định danh và xác thực điện tử không đồng nghĩa với việc áp dụng bắt buộc đối với toàn bộ đối tượng trong mọi lĩnh vực. Việc định danh, xác thực điện tử bắt buộc chỉ áp dụng đối với các đối tượng phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước, quốc phòng, an ninh, xác lập quyền, truy xuất nguồn gốc hoặc các trường hợp có mức

độ rủi ro cao theo quy định của pháp luật; các đối tượng còn lại thực hiện trên cơ sở nhu cầu của chủ thể quản lý, sở hữu hoặc các bên tham gia giao dịch.

2.2. Chính sách 1. Thiết lập cơ chế cấp mã định danh và xác thực điện tử thống nhất, duy nhất cho chủ thể, đối tượng, không gian, dữ liệu và quá trình giao dịch trong quản lý nhà nước, kinh tế - xã hội

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc chính lý chính sách này theo hướng xác định rõ phạm vi/nội hàm đối tượng định danh điện tử hoặc giới hạn đối tượng cần định danh điện tử bắt buộc (có thể nghiên cứu đối với: nhóm sản phẩm, hàng hóa có rủi ro cao; các sản phẩm, hàng hóa, giao dịch, hoạt động... có nguy cơ cao gây ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng mà cần phải thực hiện quản lý đặc biệt (như: các giao dịch có giá trị lớn cần báo cáo theo pháp luật về phòng, chống rửa tiền; hoạt động, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ, giao dịch có nguy cơ bị lợi dụng để phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo dự thảo Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; thực phẩm theo dự án Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi)...)). Đồng thời, kế thừa đối với sản phẩm, hàng hóa hoặc các đối tượng khác đã được định danh điện tử hoặc có phương thức quản lý tương tự như định danh điện tử, đề nghị cân nhắc theo hướng định danh theo các lớp/tầng khác nhau như: định danh pháp lý (thông qua số đăng ký lưu hành, mã HS, giấy chứng nhận...); định danh truy xuất dữ liệu (thông qua nhãn, mã truy xuất nguồn gốc...); định danh quản lý nhà nước...

Tiếp thu ý kiến tham gia, đối với nội dung này cơ quan soạn thảo có ý kiến như sau:

Qua rà soát, Báo cáo đánh giá tác động chính sách đã chỉ ra các quy định hiện hành về định danh, xác thực và quản lý đối tượng còn phân tán tại nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành; phạm vi điều chỉnh chưa bao quát đầy đủ các đối tượng phi vật chất, dữ liệu, hoạt động, giao dịch và hành vi. Việc tồn tại nhiều cơ chế định danh, xác thực khác nhau làm phát sinh nguy cơ chồng chéo, thiếu liên kết, hạn chế khả năng truy xuất, xác minh và đối soát thông tin. Đồng thời, các cơ quan, tổ chức hiện phải duy trì nhiều cơ sở dữ liệu, hệ thống quản lý, xác minh riêng lẻ, trong khi tài sản số, hợp đồng điện tử, dữ liệu số và các giao dịch trên môi trường số chưa có cơ chế định danh thống nhất, dẫn đến xác minh lặp lại, đầu tư phân tán, tăng chi phí và giảm hiệu quả quản lý. Một số khái niệm, đối tượng mới như tài sản số, dữ liệu số cũng chưa được hệ thống pháp luật ghi nhận đầy đủ, đặt ra yêu cầu hoàn thiện khuôn khổ pháp lý thống nhất, có lộ trình và quy định chuyển tiếp phù hợp.

Luật Định danh và xác thực điện tử quy định khung nguyên tắc chung, là công cụ thống nhất để thực hiện các quy định của pháp luật chuyên ngành, luật không thay thế và không chồng chéo với các cơ chế quản lý nhà nước theo các quy định pháp luật chuyên ngành. Việc định danh và xác thực điện tử là một phương thức mới, hiện đại hỗ trợ việc quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực.

Việc định danh điện tử theo quy định của dự thảo Luật này được áp dụng cơ chế liên kết: mỗi đối tượng có một mã định danh thống nhất, các mã, số chuyên ngành hiện có (mã số, mã vạch, mã HS, mã CAS, số đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận...) được liên kết vào mã định danh mà không bị thay thế, bảo đảm kế thừa các mã đang vận hành ổn định và phù hợp với chuẩn quốc tế. Việc định danh được thực hiện theo yêu cầu của pháp luật chuyên ngành và theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân, không làm phát sinh thủ tục hành chính mới. Về đối tượng bắt buộc phải định danh điện tử và tự nguyện thực hiện hoạt động định danh điện tử, dự thảo Tờ trình đã phân định rõ phạm vi đối tượng bắt buộc thực hiện định danh (phục vụ quản lý nhà nước, quốc phòng, an ninh, truy xuất nguồn gốc, phòng ngừa gian lận) và đối tượng khuyến khích, tự nguyện, giao Chính phủ quy định chi tiết danh mục, tiêu chí và lộ trình. Đồng thời, Cơ quan soạn thảo tiếp thu làm rõ nội hàm khái niệm “không gian” tại hồ sơ, bổ sung lộ trình thực hiện và rà soát quy định về thời hạn lưu trữ thông tin cho phù hợp với mục đích quản lý và pháp luật có liên quan.

b) Pháp luật hiện hành đã có nhiều quy định liên quan đến việc định danh điện tử đối với một số nhóm đối tượng đề xuất tại hồ sơ Chính sách Luật nhưng tại hồ sơ Chính sách Luật chưa đưa ra hướng đề xuất xử lý hoặc có phương án kết nối, liên thông giữa các quy định hiện hành tại hồ sơ Chính sách Luật.

Tiếp thu ý kiến tham gia, Cơ quan soạn thảo đã rà soát và bổ sung nội dung sửa một số các luật khác có liên quan tại Luật này, cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 33 Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 như sau: “2. *Chứng thư chữ ký số công cộng được cung cấp bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo quy định của Luật này hoặc cơ quan quản lý vận hành Hệ thống định danh và xác thực điện tử*”

- Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Căn cước số 26/2023/QH15, cụ thể: Bãi bỏ khoản 14, khoản 15 và khoản 16 Điều 3 Luật Căn cước số 26/2023/QH15; Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 Điều 31 Luật Căn cước số 26/2023/QH15 như sau: “6. *Việc tạo lập, cấp, tích hợp, sử dụng và xác thực điện tử đối với căn cước thực hiện theo quy định của pháp luật về căn cước, pháp luật về định danh và xác thực điện tử*”.

- Sửa đổi, bổ sung Luật Thương mại điện tử số 122/2025/QH15: Thay thế cụm từ “xác thực danh tính” thành cụm từ “xác thực điện tử” tại điểm a khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Thương mại điện tử số 122/2025/QH15; Bổ sung khoản 8 vào sau khoản 7 Điều 22 Luật Thương mại điện tử số 122/2025/QH15 như sau: “8. *Chủ quản nền tảng thương mại điện tử có trách nhiệm kết nối với Hệ thống định danh và xác thực điện tử để thực hiện định danh, xác thực điện tử đối với người bán, người livestream bán hàng và người tiếp thị liên kết theo quy định của pháp luật về thương mại điện tử, pháp luật về định danh và xác thực điện tử*.”

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 22 của Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15: Thay thế cụm từ “định danh và xác thực điện tử theo pháp luật

về căn cước” tại điểm a khoản 2 Điều 22 bằng cụm từ “định danh và xác thực điện tử theo pháp luật về căn cước, pháp luật về định danh và xác thực điện tử”.

- Sửa đổi, bổ sung Phụ lục số 01 về Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2017/QH14, Luật số 23/2018/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 33/2024/QH15 và Luật số 35/2024/QH15 theo hướng bổ sung phí khai thác và sử dụng thông tin trong Hệ thống định danh và xác thực điện tử.

Đối với các đối tượng đã được định danh theo pháp luật hiện hành (cá nhân, tổ chức theo Luật Căn cước và Nghị định số 69/2024/NĐ-CP; người bán, người livestream bán hàng, người tiếp thị liên kết theo Luật Thương mại điện tử; sản phẩm, hàng hóa, tài sản theo Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Luật Hải quan, Luật Đo lường...), Luật này bảo đảm cơ chế kế thừa, liên thông: vẫn cấp mã định danh thống nhất để liên kết với các mã, số chuyên ngành đang có, không thay thế các mã đó, không làm phát sinh chi phí chuyển đổi và bảo đảm tính ổn định của các hệ thống hiện hành.

2.3. Chính sách 2. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử, gắn với phát triển Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) để khai thác, chia sẻ dữ liệu và cung cấp dịch vụ số thống nhất

a) Về xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử

(1) Pháp luật hiện hành đã hình thành nhiều hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và nền tảng phục vụ hoạt động định danh, xác thực điện tử. Các hệ thống này đều thực hiện chức năng lưu trữ, quản lý, khai thác hoặc xác thực thông tin theo phạm vi quản lý khác nhau. Do đó, cần tiếp tục làm rõ sự cần thiết của việc xây dựng thêm Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử, cũng như mối quan hệ với các hệ thống hiện có nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp.

Tiếp thu ý kiến tham gia, cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, chỉnh lý và bổ sung một số nội dung cụ thể như sau:

(i) Bổ sung đánh giá về sự cần thiết xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử; đồng thời làm rõ vị trí, chức năng và mối quan hệ giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin và các nền tảng hiện có.

Theo đó, Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử không thay thế hoặc trùng lặp chức năng của các cơ sở dữ liệu hiện hành mà là hạ tầng dữ liệu chuyên biệt phục vụ hoạt động định danh và xác thực điện tử; thực hiện quản lý tập trung thông tin định danh điện tử, trạng thái hiệu lực của danh tính điện tử, mã định danh, lịch sử định danh, xác thực điện tử và phục vụ kết nối, chia sẻ, cung cấp dịch vụ xác thực thống nhất trên phạm vi toàn quốc. Các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin và nền tảng số hiện có chỉ quản lý dữ liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của từng lĩnh vực,

không phải là hệ thống định danh và xác thực điện tử, không thực hiện việc tạo lập, quản lý tập trung danh tính điện tử, mã định danh điện tử, trạng thái hiệu lực và lịch sử xác thực điện tử của các chủ thể. Vì vậy, việc xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử là cần thiết nhằm hình thành hạ tầng dùng chung phục vụ thống nhất hoạt động định danh, xác thực điện tử trên phạm vi toàn quốc, đồng thời bảo đảm kế thừa, kết nối và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu, hệ thống hiện có, không làm phát sinh trùng lặp về dữ liệu và đầu tư.

(2) Về thẩm quyền, điểm đ khoản 3 Điều 40 Luật Giao dịch điện tử quy định *Chính phủ quy định việc xây dựng, cập nhật, duy trì và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia; quy định việc chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia với cơ sở dữ liệu của cơ quan khác của Nhà nước*. Theo đó, thẩm quyền quy định việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia thuộc Chính phủ.

Tiếp thu ý kiến tham gia, Cơ quan soạn thảo Chính lý nội dung chính sách theo hướng chỉ quy định các nguyên tắc, yêu cầu và nội dung quản lý đối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử; việc xây dựng, cập nhật, quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định chi tiết của Chính phủ.

(3) *Thứ ba*, về phí khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử, cơ quan chủ trì soạn thảo dự kiến bổ sung quy định về phí khai thác và sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia định danh và xác thực điện tử tại hồ sơ Chính sách Luật, đồng thời, tại Điều 35 dự thảo Luật quy định đối tượng thanh toán chi phí và giao Chính phủ quy định. Tuy nhiên, liên quan đến phí sử dụng cơ sở dữ liệu, Điều 44 Luật Dữ liệu đã quy định *Phí khai thác và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác* và giao Bộ Tài chính quy định vào mục XIII phần A phụ lục số 01 kèm theo Luật Phí, lệ phí. Do đó, giải pháp này là cần nhắc thêm.

Tiếp thu ý kiến tham gia, đối với quy định về phí khai thác, sử dụng thông tin, Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, chỉnh lý theo hướng bảo đảm thống nhất với pháp luật về dữ liệu và pháp luật về phí, lệ phí; chỉ quy định nguyên tắc thu phí trong trường hợp pháp luật có quy định, không quy định trùng lặp về chế độ thu, mức thu và thẩm quyền quyết định thu phí.

b) Về giải pháp chữ ký số và phương thức xác thực khác phục vụ dịch vụ công, ghi nhận mức độ tham gia chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức, cá nhân

Đề nghị cần nhắc thêm về giải pháp này. Trường hợp giữ nguyên như đề xuất cần làm rõ phạm vi áp dụng, mục tiêu quản lý, phương thức triển khai, cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện, đồng thời xác định rõ mối quan hệ với các cơ chế thống kê, đánh giá về chuyển đổi số và Hệ thống Điểm công dân số đang được quy định trong các văn bản pháp luật có liên quan, bảo đảm không trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ và nâng cao hiệu quả tổ chức thực thi.

Tiếp thu ý kiến tham gia, Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, chỉnh lý Giải pháp 3 thuộc Chính sách 2 theo hướng làm rõ mục tiêu, phạm vi của giải

pháp về chữ ký điện tử, phương thức xác thực điện tử và việc ghi nhận mức độ tham gia chuyển đổi số. Cụ thể:

(i) Đối với giải pháp về chữ ký số, Báo cáo đã chỉnh lý theo hướng không không thay thế hệ thống chứng thực chữ ký số hiện có. Giải pháp tập trung tích hợp, khai thác và cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng trên Ứng dụng định danh quốc gia phục vụ thực hiện dịch vụ công; đồng thời tận dụng hiệu quả hạ tầng kỹ thuật, hệ thống chứng thực chữ ký số hiện có, hạn chế đầu tư trùng lặp.

(ii) Đối với các chức năng trên Ứng dụng định danh quốc gia, Báo cáo đã chỉnh lý theo hướng không đặt ra cơ chế ghi nhận, thống kê hoặc đánh giá mức độ tham gia chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Giải pháp tập trung phát triển Ứng dụng định danh quốc gia trở thành nền tảng thống nhất cung cấp các dịch vụ, tiện ích số theo quy định của pháp luật, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện dịch vụ công và giao dịch điện tử. Đồng thời, Báo cáo đã làm rõ phạm vi áp dụng và nguyên tắc triển khai, bảo đảm không trùng lặp chức năng, nhiệm vụ với các cơ chế, hệ thống và nền tảng khác theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP ngày 09/7/2026 của Chính phủ về phát triển công dân số đã xác định VNeID là nền tảng thực hiện định danh, xác thực điện tử, cung cấp miễn phí dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cho cá nhân phục vụ dịch vụ công và tích hợp các tiện ích số. Đồng thời, Nghị quyết quy định việc cung cấp dịch vụ phải tuân thủ pháp luật về chữ ký số, chứng thư chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

Do đó, Giải pháp 3 thuộc Chính sách 2 bảo đảm thống nhất với định hướng của Chính phủ, không thiết lập cơ chế hoặc hệ thống chứng thực chữ ký số độc lập, không làm phát sinh chức năng đánh giá chuyển đổi số mới, mà kế thừa, kết nối và khai thác hiệu quả hạ tầng, cơ chế và hệ thống hiện có, bảo đảm tránh chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư.

c) Về giải pháp tích hợp nền tảng thanh toán quốc gia phục vụ an sinh xã hội

Cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất giải pháp tích hợp nền tảng thanh toán quốc gia phục vụ an sinh xã hội vào Ứng dụng VNeID nhằm mục đích bảo đảm sự thống nhất với các quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và quản lý ngân sách, góp phần tăng tính minh bạch, an toàn và khả năng kiểm soát trong thực thi chính sách, tuy nhiên, đề nghị cân nhắc nghiên cứu chỉnh lý phạm vi tích hợp trong giải pháp này. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ phạm vi/mục đích “phục vụ an sinh xã hội”, đồng thời cân nhắc chỉ giới hạn ở các chức năng phục vụ quản lý nhà nước (có thể là chi trả các *hoạt động an sinh từ ngân sách nhà nước*), hỗ trợ người dân tra cứu, tiếp nhận thông tin, xác thực danh tính và kết nối với các hệ thống chi trả, thanh toán của cơ quan có thẩm quyền hoặc của các tổ chức cung ứng dịch vụ hợp pháp, phạm vi tích hợp theo hướng như đề xuất tại hồ sơ chính sách Luật.

Tiếp thu ý kiến tham gia, Cơ quan soạn thảo đã rà soát, chỉnh lý Báo cáo theo hướng làm rõ phạm vi tích hợp chức năng thanh toán trên Ứng dụng định danh quốc gia chỉ nhằm hỗ trợ thực hiện dịch vụ công, **chỉ trả** an sinh xã hội và các giao dịch hợp pháp theo quy định của pháp luật; không hình thành cơ chế thanh toán độc lập, không thay thế hạ tầng thanh toán của các tổ chức tín dụng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. Đồng thời, Báo cáo đã xác định rõ Ứng dụng định danh quốc gia là nền tảng định danh, xác thực và kết nối các hệ thống cung ứng dịch vụ, bảo đảm kế thừa, tận dụng hạ tầng thanh toán hiện có, tránh đầu tư trùng lặp và phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành.

Bên cạnh đó, nội dung chính sách đã được rà soát, hoàn thiện trên cơ sở kế thừa các định hướng tại Quyết định số 940/QĐ-TTg ngày 26/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng định danh quốc gia VNeID giai đoạn 2026–2030, tầm nhìn đến năm 2045” và Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP ngày 09/7/2026 của Chính phủ về phát triển công dân số. Theo đó, VNeID được định hướng phát triển để hỗ trợ thực hiện thanh toán dịch vụ công, chi trả an sinh xã hội thông qua việc kết nối với tài khoản thanh toán, ví điện tử, thẻ ngân hàng, tài khoản tiền di động và các phương tiện thanh toán hợp pháp khác; đồng thời các cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm hướng dẫn, bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật và kết nối đối với các dịch vụ thanh toán điện tử trên nền tảng định danh và xác thực điện tử.

2.4. Chính sách 3. Phát triển dịch vụ định danh, xác thực điện tử theo mô hình Nhà nước thiết lập nền tảng, điều phối liên thông; tổ chức, doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ; và công nhận hợp tác quốc tế

a) Về giải pháp công nhận lẫn nhau trong lĩnh vực định danh và xác thực điện tử

Cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất giải pháp công nhận lẫn nhau trong lĩnh vực định danh và xác thực điện tử, tuy nhiên, để bảo đảm tính khả thi trong việc đề xuất giải pháp này, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu làm rõ một số nội dung sau:

Thứ nhất, kinh nghiệm của các nước trong việc thực hiện định danh và xác thực điện tử, qua bước đầu nghiên cứu, hiện nay chưa có một chuẩn mực thống nhất về việc định danh và xác thực điện tử, mỗi quốc gia xây dựng hệ thống định danh điện tử theo mô hình, tiêu chuẩn kỹ thuật, mức độ bảo đảm, phương thức xác thực và cơ chế quản lý khác nhau. Ví dụ như: Liên minh châu Âu áp dụng quy định về nhận dạng và tin cậy điện tử (eIDAS) với các mức bảo đảm thấp (low), trung bình (substantial) và cao (high); Singapore sử dụng Singpass; Hàn Quốc và Nhật Bản xây dựng hệ thống trên cơ sở mã số định danh quốc gia; Hoa Kỳ không xây dựng một hệ thống định danh điện tử quốc gia thống nhất mà chủ yếu dựa trên khu vực tư nhân và các tiêu chuẩn của bộ quy tắc, hướng dẫn kỹ thuật và khung bảo mật (NIST)¹...

¹ Đại diện Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ...

Thứ hai, phát sinh nhiều vấn đề về chủ quyền dữ liệu và trách nhiệm pháp lý, việc công nhận danh tính điện tử của nước ngoài đồng nghĩa với việc Việt Nam phải dựa vào kết quả định danh, xác thực được thực hiện bởi cơ quan hoặc tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam. Điều này có thể làm phát sinh rủi ro trong quá trình thực hiện và đặt ra nhiều vấn đề liên quan đến trách nhiệm pháp lý của các chủ thể có liên quan. Trong khi, tại hồ sơ Chính sách giao cơ quan nhà nước hoặc bên sử dụng dịch vụ xác thực điện tử tại Việt Nam quyết định việc công nhận đối với danh tính điện tử và kết quả xác thực điện tử do tổ chức không thuộc cơ quan nhà nước nước ngoài cung cấp (khoản 2 Điều 43 dự thảo Luật)

Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 19 Luật Giao dịch điện tử quy định *chứng thư điện tử do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp để được công nhận và sử dụng tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn theo quy định của pháp luật Việt Nam*. Như vậy, Luật Giao dịch điện tử đã có quy định công nhận chứng thư điện tử do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp.

Tiếp thu ý kiến tham gia, Cơ quan soạn thảo đã chỉnh lý Báo cáo theo hướng làm rõ sự cần thiết của việc công nhận danh tính điện tử, phương tiện xác thực điện tử và kết quả xác thực điện tử của nước ngoài nhằm phục vụ giao dịch điện tử xuyên biên giới và hợp tác quốc tế. Đồng thời, bổ sung các nguyên tắc, điều kiện công nhận và rà soát bảo đảm thống nhất, không chồng chéo với Luật Giao dịch điện tử và các quy định pháp luật có liên quan.

Theo đó, chính sách không công nhận mặc nhiên hoặc công nhận chung hệ thống định danh và xác thực điện tử của nước ngoài, mà chỉ xem xét công nhận danh tính điện tử và kết quả xác thực điện tử đáp ứng yêu cầu về mức độ xác thực, tính tương thích kỹ thuật và pháp luật Việt Nam, trên cơ sở điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế. Việc công nhận được phân định theo thẩm quyền, mục đích sử dụng; chủ thể quyết định công nhận chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

b) Cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất Chính sách phát triển dịch vụ định danh, xác thực điện tử theo mô hình Nhà nước thiết lập nền tảng, điều phối liên thông; tổ chức, doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ, trong khi đó, tại giải pháp lại đề xuất mô hình xác thực điện tử gồm: mô hình xác thực tập trung, mô hình xác thực trung gian và mô hình xác thực tự chủ. Đồng thời, tại điểm a khoản 2 Điều 8 dự thảo Luật cũng chỉ quy định Nhà nước đầu tư, thiết lập hệ thống, nền tảng và cơ sở hạ tầng; tổ chức, doanh nghiệp thực hiện quản trị và tổ chức triển khai hoạt động định danh điện tử trên nền tảng đó đối với định danh điện tử, do đó, đề nghị nghiên cứu chỉnh lý bảo đảm thống nhất.

Tiếp thu ý kiến tham gia, Cơ quan soạn thảo đã rà soát, chỉnh lý Chính sách 3 và các giải pháp thực hiện theo hướng bảo đảm thống nhất giữa mô hình phát triển dịch vụ định danh, xác thực điện tử với các mô hình thực hiện hoạt động định danh, xác thực điện tử và nội dung dự thảo Luật. Theo đó, mô hình “Nhà nước thiết lập nền tảng, điều phối liên thông; tổ chức, doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ” được xác định là mô hình tổ chức, quản trị tổng thể, nhằm

phân định vai trò của Nhà nước và tổ chức, doanh nghiệp trong đầu tư, quản lý hạ tầng và cung cấp dịch vụ. Các mô hình xác thực tập trung, xác thực trung gian và xác thực tự chủ là các phương thức tổ chức thực hiện hoạt động xác thực điện tử về nghiệp vụ và kỹ thuật, không phải là mô hình phân công vai trò đầu tư, quản lý và cung cấp dịch vụ giữa Nhà nước với tổ chức, doanh nghiệp. Đồng thời, trong quá trình xây dựng dự thảo Luật, cơ quan soạn thảo sẽ hoàn thiện quy định về mô hình thực hiện hoạt động định danh điện tử và xác thực điện tử bảo đảm thống nhất trong hồ sơ chính sách.

VIII. Các nội dung chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các Bộ, ngành khác (tài chính - ngân sách; ưu đãi đầu tư...), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tổng hợp đầy đủ ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức liên quan để nghiên cứu hoàn thiện hồ sơ Chính sách Luật bảo đảm tính khả thi, phù hợp.

Tiếp thu ý kiến tham gia, Cơ quan soạn thảo đã tổng hợp đầy đủ ý kiến tham gia của các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan; rà soát, chỉnh lý và hoàn thiện hồ sơ Chính sách Luật đối với các nội dung thuộc lĩnh vực tài chính, ngân sách nhà nước, đầu tư, phí, giá và các nội dung chuyên ngành khác theo hướng bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, tính khả thi và phù hợp với điều kiện thực tiễn triển khai.

Trên đây là Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về Hồ sơ dự thảo hồ sơ chính sách Luật Định danh và xác thực điện tử, Cơ quan soạn thảo kính báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Lưu: VT, QLHC.


Đại tướng Lương Tam Quang

Số: 5690/BTP-PLSHC&QLXLVPHC
V/v cho ý kiến về việc tiếp thu, giải trình đối với
hồ sơ Chính sách Luật Định danh và xác thực điện tử

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Bộ Công an

Trả lời Công văn số 3749/BCA-C06 ngày 21/7/2026 của Bộ Công an về việc đề nghị cho ý kiến tham gia đối với Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định hồ sơ chính sách Luật Định danh và xác thực điện tử (sau đây gọi là hồ sơ Chính sách Luật), qua nghiên cứu tài liệu, Bộ Tư pháp có một số ý kiến như sau:

1. Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số 389/BCTĐ-BTP ngày 13/7/2026 đối với hồ sơ Chính sách Luật Định danh và xác thực điện tử. Qua nghiên cứu dự thảo Văn bản tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định đối với hồ sơ Chính sách, Bộ Công an đã tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp. Ở giai đoạn Chính sách, Bộ Tư pháp cơ bản nhất trí đối với việc tiếp thu, giải trình của Bộ Công an, tuy nhiên, như đã nêu tại Báo cáo thẩm định số 389/BCTĐ-BTP, các chính sách đề xuất trong hồ sơ có phạm vi tác động rộng, ảnh hưởng lớn đến hoạt động quản lý nhà nước, quyền, lợi ích của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đặc biệt là việc mở rộng đối tượng định danh điện tử, đồng thời đặt ra yêu cầu về nguồn lực (bao gồm nguồn nhân lực cũng như tài chính) để tổ chức thực hiện. Do đó, trong quá trình xây dựng dự án Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức và các đối tượng chịu tác động để rà soát, hoàn thiện các quy định của dự thảo Luật, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật, đồng thời bảo đảm tính khả thi, minh bạch, hiệu quả trong tổ chức thi hành. Trong đó, lưu ý một số vấn đề sau:

1.1. Về đối tượng định danh điện tử (Chính sách 1)

Chính sách 1 đề xuất bổ sung phạm vi, đối tượng định danh điện tử như: các đối tượng tồn tại dưới dạng vật chất, phi vật chất; địa điểm, vị trí, không gian; hoạt động, sự kiện, giao dịch, hành vi. Theo đề xuất đối tượng phải định danh điện tử là rất rộng trong hoạt động quản lý nhà nước cũng như trong hoạt động kinh tế - xã hội, trong khi đó, tại hồ sơ Chính sách Luật chưa đưa ra các giải pháp cụ thể (để xác định phạm vi định danh đối với từng nhóm đối tượng tương ứng với thẩm quyền thực hiện định danh của các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp), cũng như chưa rõ giải pháp để xử lý mối quan hệ giữa quy định về định danh điện tử tại hồ sơ Chính sách Luật với việc định danh điện tử hoặc các hình thức quản lý khác có tính chất tương tự định danh điện tử tại các văn bản luật có liên quan.

Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu trong quá trình quy phạm hóa Chính sách để xác định rõ phạm vi/nội hàm đối tượng định danh điện tử hoặc giới hạn đối tượng cần định danh điện tử theo hướng định danh theo các lớp/tầng khác nhau như: định danh pháp lý (thông qua số đăng ký lưu hành, mã HS, giấy chứng nhận...); định danh truy xuất dữ liệu (thông qua nhãn, mã truy xuất nguồn gốc...); định danh quản lý nhà nước...

1.2. Về việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử, phát triển Ứng dụng định danh quốc gia (tập trung vào một trong những chức năng như: tích hợp cấp, sử dụng chữ ký số công cộng và phương thức xác thực khác phục vụ dịch vụ công, chuyển đổi số; tích hợp nền tảng thanh toán quốc gia phục vụ an sinh xã hội) (Chính sách 2)

Như đã nêu tại Báo cáo thẩm định số 389/BCTĐ-BTP, hiện nay, liên quan đến cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin định danh và xác thực điện tử, pháp luật hiện hành đã có nhiều văn bản quy định về vấn đề này, hơn nữa, điểm đ khoản 3 Điều 40 Luật Giao dịch điện tử quy định *Chính phủ quy định việc xây dựng, cập nhật, duy trì và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia; quy định việc chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia với cơ sở dữ liệu của cơ quan khác của Nhà nước*. Theo đó, thẩm quyền quy định việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia thuộc Chính phủ. Bên cạnh đó, đối với việc tích hợp cấp, sử dụng chữ ký số công cộng và phương thức xác thực khác phục vụ dịch vụ công, chuyển đổi số và nền tảng thanh toán quốc gia phục vụ an sinh xã hội vào Ứng dụng định danh quốc gia là cần cân nhắc thêm về tính khả thi của giải pháp này, vì những lý do sau:

Thứ nhất, tại hồ sơ Chính sách Luật mới chỉ xử lý về kỹ thuật tên gọi chữ ký số mà chưa xử lý mối quan hệ giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong việc quản lý chữ ký số (Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban Cơ yếu Chính phủ) cũng như việc xử lý đối với hệ thống chứng thực chữ ký số công cộng (như: hạ tầng kỹ thuật, các nền tảng tích hợp và mạng lưới tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng...) đã được đầu tư và sử dụng ổn định. Do đó, để tận dụng hạ tầng kỹ thuật đã được đầu tư, tránh trùng lặp, bảo đảm phù hợp với chủ trương khai thác hiệu quả hạ tầng số hiện có, đề nghị nghiên cứu theo hướng Ứng dụng VNeID nên đóng vai trò là nền tảng tích hợp định danh vào hạ tầng chữ ký số hiện có.

Thứ hai, cần xác định rõ vai trò của Ứng dụng VNeID cung cấp các tiện ích công gắn với quản lý nhà nước, vì vậy, việc tích hợp các dịch vụ tài chính nên được xem xét theo hướng sử dụng ứng dụng như một phương thức xác thực, khởi tạo hoặc kết nối đến các nền tảng cung ứng dịch vụ, thay vì phát triển thành một nền tảng thanh toán hoặc ứng dụng tài chính đa năng. Hơn nữa, việc mở rộng chức năng của Ứng dụng VNeID để trực tiếp thực hiện tích hợp toàn diện các giao dịch

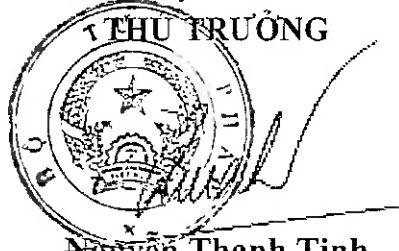
có thể tăng thêm gánh nặng về kinh phí cả từ cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân có liên quan. Trong khi đó, các tài khoản thanh toán đã được xác thực điện tử và gắn với danh tính điện tử của tổ chức, cá nhân. Do đó, đề nghị nghiên cứu theo hướng chỉ giới hạn ở các chức năng phục vụ quản lý nhà nước (có thể là chi trả các *hoạt động an sinh từ ngân sách nhà nước*), hỗ trợ người dân tra cứu, tiếp nhận thông tin, xác thực danh tính và kết nối với các hệ thống chi trả, thanh toán của cơ quan có thẩm quyền hoặc của các tổ chức cung ứng dịch vụ hợp pháp.

2. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện hồ sơ Chính sách Luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15) và gửi Văn phòng Chính phủ để tiếp tục thực hiện các trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 191/2026/NĐ-CP ngày 29/5/2026 của Chính phủ về Quy chế làm việc của Chính phủ.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp về các nội dung tiếp thu, giải trình của Bộ Công an đối với ý kiến thẩm định hồ sơ Chính sách Luật Định danh và xác thực điện tử, xin gửi Quý cơ quan tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, Cục PLHSHC&QLXLVPHC (Nhi,2b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THU TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Tịnh

Số: 389 /BCTĐ-BTP

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
Hồ sơ Chính sách Luật Định danh và xác thực điện tử

Kính gửi: Chính phủ

Ngày 28/6/2026, Bộ Tư pháp nhận được Công văn số 3102/BCA-QLHC ngày 19/6/2026 của Bộ Công an đề nghị thẩm định hồ sơ chính sách Luật Định danh và xác thực điện tử. Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2015/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 (Luật BHVBQPPL), Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật BHVBQPPL, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP (Nghị định số 78/2025/NĐ-CP)¹, Bộ Tư pháp đã thành lập Hội đồng thẩm định² và tổ chức cuộc họp Hội đồng thẩm định³ vào ngày 03/7/2026 để cho ý kiến đối với hồ sơ Chính sách Luật.

Trên cơ sở ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định và qua nghiên cứu tài liệu, Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định đối với hồ sơ Chính sách Luật Định danh và xác thực điện tử (sau đây gọi tắt là hồ sơ Chính sách Luật) như sau:

I. VỀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH CHÍNH SÁCH VÀ PHẠM VI CHÍNH SÁCH ĐƯỢC ĐỀ XUẤT

1. Về sự cần thiết ban hành chính sách

Ngày 29/5/2026, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 03/2026/UBTVQH16 về việc điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2026, trong đó, bổ sung vào Chương trình lập pháp năm 2026, trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại Kỳ họp thứ 2 (tháng 10/2026) đối với dự án Luật Định danh và xác thực điện tử (điểm a khoản 1 Điều 1). Do đó, việc nghiên cứu xây dựng Luật là có cơ sở.

¹ Vào số văn bản đến số 7091 ngày 27/6/2026, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp ngày 30/6/2026.

² Quyết định số 1645/QĐ-BTP ngày 02/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ Chính sách Luật Định danh và xác thực điện tử

³ Hội đồng thẩm định có sự tham gia của đại diện: Bộ Quốc phòng, Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Ngoại giao, Ngân hàng Nhà nước... và một số đơn vị thuộc Bộ Tư pháp; Liên đoàn thương mại và Công nghiệp Việt Nam; hiệp hội, ngành hàng (VINASA,...).

2. Về phạm vi của các Chính sách được đề xuất

Bên cạnh những nội dung đề xuất tại 03 Chính sách, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu kỹ lưỡng một số nội dung có liên quan đến phạm vi điều chỉnh của Hồ sơ đề nghị chính sách, ví dụ như: chính sách phát triển hoạt động định danh và xác thực điện tử (như: chưa có các cơ chế, chính sách thu hút tổ chức, cá nhân tham gia phát triển, ứng dụng hoạt động định danh và xác thực điện tử...); cơ chế thúc đẩy xã hội hóa, hợp tác công tư, phát triển dịch vụ định danh, xác thực điện tử nhưng đồng thời vẫn bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, an toàn, an ninh thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân...

II. VỀ SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG HỒ SƠ CHÍNH SÁCH LUẬT VỚI CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG

Các Chính sách, giải pháp đề xuất tại hồ sơ Chính sách Luật về cơ bản phù hợp với đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về định danh và xác thực điện tử nêu tại các văn bản như: Nghị quyết 52-NQ/TW ngày 27/09/2019 của Bộ Chính trị về chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó xác định: *thực hiện định danh, công nhận, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với các sản phẩm, công nghệ, mô hình kinh doanh mới* (mục III.2),...; *xây dựng hành lang pháp lý cho định danh số và xác thực điện tử quốc gia; thiết lập khung danh tính số quốc gia* (mục III.2),...; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong đó xác định: *Xây dựng và dùng chung các nền tảng số quốc gia, vùng, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số* (mục III.3), *Xây dựng, phát huy hiệu quả dữ liệu quốc gia, dữ liệu của bộ, ngành, địa phương bảo đảm liên thông, tích hợp, chia sẻ* (mục III.3)...; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về phát triển kinh tế tư nhân, trong đó xác định nhiệm vụ: *Hoàn thiện hệ thống pháp luật, xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường bảo đảm môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp*... (tiểu mục 2.1 mục III.2),...; Chỉ thị số 57-CT/TW ngày 31/12/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về tăng cường bảo đảm an ninh mạng, bảo mật dữ liệu trong hệ thống chính trị đề ra các nhiệm vụ, giải pháp: *Triển khai hệ thống định danh và xác thực không gian mạng quốc gia; thống nhất định danh công dân, người dùng mạng xã hội, thuê bao viễn thông và tài nguyên Internet (tên miền, địa chỉ IP...)...* (mục 1.g),...; Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trong đó đặt ra yêu cầu xác

định rõ quy phạm pháp luật công và quy phạm pháp luật tư trong xây dựng pháp luật và xác định *chủ trọng ban hành các chính sách đặc thù, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát nhằm hình thành các lực lượng sản xuất, phương thức sản xuất, lĩnh vực kinh tế mới và khuyến khích, thúc đẩy phát triển ngành, nghề, các địa bàn, nhóm đối tượng được xác định ưu tiên phát triển...*

Bên cạnh đó, đề nghị tiếp tục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước để thể chế hóa đầy đủ tại Chính sách Luật, trong đó lưu ý một số nội dung như:

- Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật xác định *phân định rõ thẩm quyền lập pháp và thẩm quyền lập quy, luật chỉ quy định những vấn đề thuộc thẩm quyền Quốc hội, không luật hóa các nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản dưới luật; cơ bản không quy định thủ tục hành chính, trình tự, hồ sơ trong luật mà giao Chính phủ, các bộ quy định theo thẩm quyền...*; đồng thời tại khoản 2 Điều 5 Luật Tổ chức Quốc hội quy định *Luật chỉ quy định các vấn đề mang tính ổn định, có giá trị lâu dài... Đối với các nội dung quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực, các vấn đề mới, có tính kiến tạo phát triển, các vấn đề chưa có thực tiễn kiểm nghiệm, luật chỉ quy định các nội dung chính sách có tính nguyên tắc, định hướng thuộc thẩm quyền của Quốc hội để thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng... Cơ bản không quy định các nội dung về thủ tục hành chính, về quy trình, quy chuẩn chuyên môn, kỹ thuật và các nội dung có tính biến động cao*". Do đó, đề nghị rà soát các nội dung dự kiến quy định tại dự thảo Luật, không quy định những nội dung không thuộc thẩm quyền của Quốc hội, ví dụ như: hoạt động định danh điện tử (thu thập, kiểm tra, đối soát và chuẩn hóa thông tin về đối tượng tại Điều 11, cấp mã định danh tại Điều 12...); hoạt động xác thực điện tử (như: tiếp nhận yêu cầu và xác định đối tượng tại Điều 23, xác định mức độ xác thực điện tử tại Điều 24, lựa chọn phương tiện xác thực điện tử tại Điều 25...).

- Nghị quyết số 57-NQ/TW xác định *"hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí; làm giàu, khai thác tối đa tiềm năng của dữ liệu, đưa dữ liệu thành tư liệu sản xuất chính, thúc đẩy phát triển nhanh cơ sở dữ liệu lớn, công nghiệp dữ liệu, kinh tế dữ liệu"* (mục I.3), trong khi đó, tại hồ sơ Chính sách Luật đề xuất mô hình quản lý tập trung; điều này cần được đánh giá trong bối cảnh hiện nay có Trung tâm dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia (cũng được xây dựng trên cơ sở mô hình tập trung)...

III. VỀ TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THÔNG NHẤT VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

Qua rà soát hồ sơ Chính sách Luật, Hội đồng thẩm định và Bộ Tư pháp chưa phát hiện thấy có nội dung trái với Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 203/2025/QH15). Tuy nhiên, nội dung giải pháp, chính sách đề xuất tại Chính sách Luật liên quan đến một số luật nhưng tại hồ sơ chưa thực hiện đánh giá hoặc có phương án xử lý cụ thể như: Luật Giao dịch điện tử năm 2023, Luật Căn cước năm 2023, Luật Dữ liệu năm 2024, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá... Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát các giải pháp tại hồ sơ Chính sách Luật với các luật hoặc dự án luật có liên quan để bảo đảm hơn nữa tính thống nhất với hệ thống pháp luật. *(xem cụ thể nội dung tại mục VII Báo cáo thẩm định này)*

IV. VỀ TÍNH TƯƠNG THÍCH VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN MÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN; BẢO ĐẢM YÊU CẦU VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH; NGUỒN TÀI CHÍNH; NGUỒN NHÂN LỰC

1. Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Tại cuộc họp Hội đồng thẩm định, đại diện Bộ Ngoại giao có ý kiến tại hồ sơ Chính sách, cơ quan chủ trì soạn thảo đã thực hiện đánh giá tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Tuy nhiên, ngoài các điều ước quốc tế nêu tại hồ sơ Chính sách Luật thì một số điều ước quốc tế cũng liên quan trực tiếp đến hồ sơ Chính sách Luật, chẳng hạn: Hiệp định chung về Thương mại Dịch vụ (GATS) thuộc hệ thống WTO, Hiệp định Thuận lợi hóa Thương mại (FTA), Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (UNTOC), Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC), Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm mạng, các khuyến nghị của Lực lượng Đặc nhiệm Tài chính (FATF) về chống rửa tiền, Khung quản trị dữ liệu số ASEAN (ASEAN Framework on Digital Data Governance)... Trong đó, đặc biệt lưu ý các Hiệp định thương mại quốc tế liên quan đến cấp mã định danh cho sản phẩm, hàng hóa có tính chất quốc tế. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung đánh giá tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Về bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh

a) Đại diện Bộ Quốc phòng nhất trí với hồ sơ Chính sách Luật, liên quan đến yêu cầu về quốc phòng, đại diện Bộ Quốc phòng đề nghị không quy định

định danh điện tử đối với các đối tượng liên quan đến quốc phòng, cơ yếu, do đối tượng dự kiến được thực hiện định danh điện tử tại hồ sơ Chính sách Luật được thực hiện phục vụ hoạt động quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia...

b) Đại diện Bộ Công an là cơ quan chủ trì soạn thảo hồ sơ Chính sách Luật, vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, báo cáo rõ vấn đề bảo đảm yêu cầu về an ninh của hồ sơ Chính sách Luật tại Tờ trình Chính phủ (và chịu trách nhiệm về vấn đề này); đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng để tiếp thu ý kiến và thực hiện đánh giá việc bảo đảm yếu tố quốc phòng của hồ sơ Chính sách Luật.

3. Về nguồn tài chính, nguồn nhân lực

3.1. Về nguồn tài chính

Tại cuộc họp thẩm định, Bộ Tài chính có ý kiến cho rằng, hồ sơ Chính sách Luật đề xuất nhiều giải pháp/chính sách mới có nội dung dẫn đến tăng kinh phí để tổ chức triển khai, trong khi, tại hồ sơ Chính sách Luật mới chỉ xác định *bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật để thực hiện các quy định trong Luật Định danh và xác thực điện tử* (mục VII.1 dự thảo Tờ trình) mà chưa đánh giá được tăng kinh phí phát sinh để tổ chức thực thi các quy định của Luật. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu làm rõ các vấn đề liên quan đến nguồn lực tài chính bảo đảm cho việc tổ chức thi hành Luật và báo cáo cụ thể về nội dung này tại Tờ trình Chính phủ, đặc biệt là các nội dung như: mở rộng đối tượng định danh điện tử (việc tổ chức thực hiện định danh điện tử; kết nối, đồng bộ giữa các cơ sở dữ liệu; duy trì, quản lý đối tượng định danh điện tử...); xây dựng, quản lý và vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử...

3.2. Về nguồn nhân lực

Tại cuộc họp Hội đồng thẩm định, Bộ Nội vụ cho rằng việc triển khai các giải pháp/chính sách tại hồ sơ Chính sách Luật có thể làm phát sinh nhu cầu nguồn nhân lực để bảo đảm thực hiện (như: nhân lực về an toàn, an ninh thông tin; thực hiện hoạt động định danh điện tử đối với các đối tượng do cơ quan nhà nước thực hiện; quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về định danh và xác thực điện tử...), trong khi hồ sơ chưa đánh giá đầy đủ khía cạnh này. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, làm rõ vấn đề bảo đảm nguồn nhân lực tại hồ sơ Chính sách Luật (nhất là đánh giá cụ thể về nguồn nhân lực phục vụ việc thi hành Luật, bao gồm: nhu cầu nhân lực của cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương; nhân lực vận hành, quản trị Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử, Ứng dụng định danh quốc gia và các hệ thống kết nối,...); đồng thời, cần xác định rõ phương án đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng nhân lực, lộ

trình triển khai phù hợp để bảo đảm tính khả thi của chính sách sau khi Luật được ban hành và báo cáo rõ tại Tờ trình Chính phủ về vấn đề này.

V. VỀ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, VIỆC BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC

1. Về sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính (TTHC)

Hội đồng thẩm định và Bộ Tư pháp nhận thấy, việc đánh giá vấn đề liên quan đến TTHC trong hồ sơ Chính sách Luật còn tương đối chung chung, khái lược, chẳng hạn: đối với giải pháp 3 Chính sách số 1 chỉ nêu *việc thực hiện giải pháp 3 phát sinh TTHC khi nhu cầu định danh điện tử xuất phát từ yêu cầu của người dân. Tuy nhiên, trên cơ sở dữ liệu... qua đó giảm thiểu yêu cầu nộp, xuất trình giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ...* Trong khi đó, theo điểm d khoản 2 Điều 29 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì TTHC được đánh giá trên cơ sở phân tích về sự cần thiết của thủ tục hành chính để thực hiện chính sách; đồng thời, khoản 2, 3 Điều 14 Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12/12/2025 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung đánh giá sự cần thiết của thủ tục hành chính và đặt ra yêu cầu *tổng hợp số lượng thủ tục hành chính dự kiến cần ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ để thực hiện chính sách*. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu đánh giá, đặc biệt là những giải pháp dẫn đến việc phát sinh TTHC mới, chưa phù hợp với pháp luật hiện hành cũng như chủ trương cắt giảm điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính... (như: tại Chính sách 3 bổ sung điều kiện và thực hiện thông báo cho Bộ Công an về các đối tượng thực hiện định danh, trường thông tin trong danh tính điện tử được cấp, hệ thống và phương án thực hiện định danh điện tử trước khi cung cấp dịch vụ...).

2. Về việc phân quyền, phân cấp

2.1. Tại cuộc họp, đại diện Bộ Nội vụ đề nghị tại hồ sơ Chính sách Luật cần nghiên cứu bổ sung nguyên tắc phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước về định danh và xác thực điện tử, theo đó, cần xác định rõ thẩm quyền của Chính phủ, trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp; làm rõ cơ quan chủ trì, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan để bảo đảm thống nhất quản lý, tránh chồng chéo, trùng lặp trong quá trình tổ chức thực hiện. Đặc biệt là trong quản lý, vận hành và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử.

2.2. Về vấn đề này, Hội đồng thẩm định và Bộ Tư pháp nhận thấy, hồ sơ Chính sách Luật có nội dung liên quan đến vấn đề phân cấp, phân quyền, cụ thể: Chính sách 1 giao cho cơ quan nhà nước trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện hoạt động định danh điện tử; Chính sách 2 về việc thu thập, cập nhật, đồng bộ dữ liệu của các cơ quan, tổ chức vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử... Tuy nhiên, tại hồ sơ Chính sách Luật chưa phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan nhà nước (từ trung ương đến địa phương) trong việc thực hiện các nội dung này. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, làm rõ thêm những nội dung phân quyền, phân cấp trong hồ sơ Chính sách Luật để bảo đảm phù hợp, thống nhất giữa nội dung với mục tiêu xây dựng chính sách.

3. Về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tại cuộc họp Hội đồng thẩm định, đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến đề nghị nghiên cứu đánh giá một số quy định tại hồ sơ Chính sách Luật để bảo đảm phù hợp với Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 68-NQ/TW... Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc kỹ lưỡng các ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ, chỉnh lý, bổ sung và làm rõ vấn đề liên quan đến chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hoạt động định danh và xác thực điện tử (đặt trong mối quan hệ với các pháp luật có liên quan, bảo đảm các giải pháp/chính sách đề xuất không làm tăng thêm gánh nặng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân và phải đặt trong tổng thể phát triển chung về dữ liệu, cơ sở dữ liệu...) để báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Về việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc

4.1. Về bảo đảm bình đẳng giới, tại hồ sơ Chính sách Luật, cơ quan chủ trì soạn thảo đã thực hiện đánh giá tác động về bình đẳng giới, vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát nội dung Chính sách và nêu rõ vấn đề bình đẳng giới tại dự thảo Tờ trình.

4.2. Về vấn đề chính sách dân tộc, đại diện Bộ Dân tộc và tôn giáo đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung một số giải pháp/chính sách liên quan đến dân tộc như: chính sách ưu tiên cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, hạn chế về kỹ năng số, cơ sở vật chất... Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát thêm về các nội dung này và báo cáo rõ vấn đề bảo đảm chính sách dân tộc tại Tờ trình.

VI. VIỆC TUÂN THỦ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH LUẬT ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ

1. Về trình tự, thủ tục xây dựng Chính sách

a) Trình tự, thủ tục xây dựng hồ sơ Chính sách Luật bảo đảm đúng theo quy định của Điều 31 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục tổ chức việc truyền thông chính sách và tiến hành lấy ý kiến góp ý một cách thực chất, toàn diện, rộng rãi và có trọng tâm, trọng điểm đối với các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan, đặc biệt là các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của hồ sơ Chính sách Luật; đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến để bảo đảm khả năng tiếp cận, tham gia đầy đủ, thuận lợi của các đối tượng... Trên cơ sở đó, cần nghiên cứu, tiếp thu, giải trình một cách nghiêm túc, đầy đủ, khách quan, thấu đáo và hợp lý các ý kiến góp ý, bảo đảm phản ánh đúng khả năng thực tiễn, nhu cầu và khả năng tuân thủ của các chủ thể chịu sự điều chỉnh của pháp luật.

2. Về hồ sơ Chính sách Luật

2.1. Về dự thảo Tờ trình

Đối với dự thảo Tờ trình, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện dự thảo Tờ trình theo Mẫu số 01 Phụ lục IV Nghị định 78/2025/NĐ-CP và lưu ý bổ sung nội dung “*nêu rõ: việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước; vấn đề chưa được pháp luật quy định hoặc đã có quy định nhưng chưa phù hợp; vướng mắc, bất cập từ thực tiễn; nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; nội dung phân quyền, phân cấp; vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết*” (khoản 3 Điều 6)... Bên cạnh đó, ngày 18/3/2025, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 2241/VPCP-PL về việc trình dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, theo đó, Lãnh đạo Chính phủ chỉ đạo hồ sơ các dự án, dự thảo văn bản, các dự án luật, pháp lệnh cần tập trung làm rõ: những nội dung sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện; những nội dung lược bỏ; những nội dung cắt giảm thủ tục hành chính... Do đó, đề nghị cơ quan lập đề xuất chính sách chỉnh lý Tờ trình theo đúng chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ.

Ngoài ra, đề nghị cơ quan lập đề xuất chính sách rà soát tổng thể các Chính sách tại dự thảo Tờ trình nhằm bảo đảm tính khả thi trong việc tổ chức thực hiện sau khi Luật được ban hành (nhất là các vấn đề như nguồn lực tổ chức thực hiện, vấn đề cải cách thủ tục hành chính...); đồng thời, bảo đảm các giải pháp chính sách đưa ra phải cụ thể, chi tiết, rõ định hướng làm căn cứ cho việc phân tích, đánh giá tác động để các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 5 quy định *trường hợp luật khác ban hành sau ngày Luật Định danh và Xác thực điện tử có hiệu lực thi hành có quy định khác với quy định của Luật Định danh và Xác thực điện tử thì phải xác định cụ thể nội dung thực hiện hoặc không thực hiện theo quy định của Luật này và nội dung thực hiện theo quy định của luật khác đó*. Trong khi đó, tại Kết luận số 09-KL/TW xác định việc *bổ sung nguyên tắc áp dụng pháp luật trong trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề theo hướng ưu tiên áp dụng quy phạm pháp luật chuyên ngành so với quy phạm pháp luật chung*. Tuy nhiên, tại hồ sơ Chính sách Luật chưa xác định Luật này là luật chung hay luật chuyên ngành. Do đó, đề nghị nghiên cứu xác định tại dự thảo Tờ trình, trên cơ sở đó quy định nguyên tắc áp dụng pháp luật cho thống nhất định hướng tại Kết luận số 09-KL/TW.

2.2. Về Báo cáo đánh giá tác động chính sách

Trên cơ sở các nội dung nêu tại mục VII Báo cáo thẩm định này, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu chỉnh lý Báo cáo đánh giá tác động chính sách. Đồng thời, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ các Điều 11, 12, 13 và Điều 14 Thông tư số 26/2025/TT-BTP để thực hiện đánh giá tác động kỹ lưỡng đối với các giải pháp đề xuất tại hồ sơ Chính sách Luật, trong đó lưu ý:

(i) Nội dung đánh giá tác động của chính sách đối với hệ thống pháp luật và các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên mới chỉ nêu tác động của giải pháp đối với hệ thống pháp luật một cách chung chung mà chưa thực hiện đánh giá, ví dụ như: giải pháp 3 Chính sách 1 đánh giá tiêu cực theo hướng *việc triển khai giải pháp 3 có thể tạo ra áp lực lớn đối với hệ thống pháp luật hiện hành do nhiều quy định chưa ghi nhận đầy đủ các khái niệm như: tài sản số, dữ liệu số...*; giải pháp 3 Chính sách 2 đánh giá tiêu cực theo hướng *bên cạnh các mặt tích cực, giải pháp này có thể phát sinh mâu thuẫn với một số quy định của pháp luật chuyên ngành về cấp mã định danh... vì vậy, cần rà soát các quy định pháp luật để sửa đổi, bổ sung bảo đảm thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật...* trong khi đó tác động của chính sách đối với hệ thống pháp luật có ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống kinh tế - xã hội...

(ii) Nội dung đánh giá tác động kinh tế - xã hội của chính sách còn mang tính định tính, chưa đánh giá được toàn diện về chi phí, lợi ích, tác động tích cực và tiêu cực đối với từng nhóm đối tượng chịu tác động, bao gồm Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân, trong khi đó tại Chính sách đề xuất mở rộng đối tượng định danh điện tử. Bên cạnh đó, nhiều nội dung nhận định chưa thật sự phù hợp với các giải pháp đề xuất. Ví dụ như:

- Giải pháp 3 Chính sách 1 đề xuất mở rộng phạm vi đối tượng định danh điện tử, nhưng chưa xác định rõ đối tượng nào phải thực hiện bắt buộc thực hiện định danh điện tử, đối tượng nào tự nguyện thực hiện định danh điện tử. Điều này dẫn đến việc chưa thực hiện đánh giá đầy đủ về chi phí, lợi ích của việc bổ sung đối tượng đến các đối tượng chịu tác động.

- Giải pháp 3 Chính sách 2 nhận định ưu điểm là *giải pháp không làm phát sinh nhu cầu đầu tư mới về hạ tầng, do được triển khai trên nền tảng định danh quốc gia và ứng dụng VNeID hiện có...* nhưng theo quy định khoản 14 Điều 4 Luật Căn cước thì *hệ thống định danh và xác thực điện tử là hệ thống thông tin để thực hiện đăng ký, tạo lập, quản lý tài khoản định danh điện tử và thực hiện xác thực điện tử*, trong khi đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 31 dự thảo Luật thì *hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia gồm: Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử;... Giao diện lập trình ứng dụng mở...* Như vậy, việc thực hiện nội dung này có khả năng phát sinh nguồn đầu tư mới để nâng cấp hạ tầng sẵn có nhằm xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử; đầu tư, thiết lập hệ thống, nền tảng và cơ sở hạ tầng để tổ chức, cá nhân thực hiện định danh điện tử (điểm a khoản 2 Điều 8 dự thảo Luật).

Bên cạnh đó, nội dung hạn chế tại giải pháp này mới chỉ thực hiện đánh giá *giải pháp có thể tạo áp lực nhất định đối với ngân sách nhà nước trong đầu tư hạ tầng công nghệ, bảo mật và duy trì hệ thống. Việc sử dụng chữ ký số và nền tảng số cũng có thể phát sinh chi phí tiếp cận, ảnh hưởng nhất định đến khả năng...* nhưng chưa đánh giá đầy đủ chi phí của tổ chức, cá nhân thực hiện chia sẻ, kết nối, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử; tổ chức, cá nhân phải thực hiện việc định danh điện tử đối với các đối tượng định danh điện tử thuộc thẩm quyền định danh điện tử của mình...

2.3. Về Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách Luật Định danh và xác thực điện tử (Báo cáo số 1267/BC-BCA ngày 19/6/2026 của Bộ Công an)

Ngoài các văn bản được rà soát tại Báo cáo số 1267/BC-BCA, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung một số văn bản như: Kết luận số 195-KL/TW ngày 26/9/2025 của Ban Bí thư về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp; Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ Quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu... Bên cạnh đó, như đã nêu tại mục IV.1 Báo cáo thẩm định này, đề nghị nghiên cứu bổ sung các điều ước quốc tế có liên quan đến hồ sơ Chính sách Luật mà Việt Nam là thành viên, bên cạnh đó, đề nghị rà

soát, lược bỏ một số văn bản/điều ước quốc tế nêu tại Báo cáo số 1267/BC-BCA như:

- Một số điều ước nêu tại Báo cáo 1267/BC-BCA nhưng Việt Nam chưa là thành viên của các điều ước này, ví dụ: Công ước Liên hợp quốc về sử dụng giao dịch điện tử trong các hợp đồng quốc tế năm 2005...

- Một số văn bản nêu không phải là điều ước quốc tế, chẳng hạn như: Luật mẫu UNCITRAL về Thương mại điện tử (1996, sửa đổi 1998) và Luật mẫu UNCITRAL về Chữ ký điện tử (2001); Kế hoạch tổng thể về Cộng đồng kinh tế ASEAN 2025 (AEC Blueprint 2025)...

VII. VỀ MỘT SỐ NỘI DUNG CỤ THỂ TẠI HỒ SƠ CHÍNH SÁCH LUẬT ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ

1. Về nội dung các chính sách

Chính sách Luật được xây dựng và thực hiện đánh giá theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này, tuy nhiên, để hoàn thiện thêm các Chính sách đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu thêm một số nội dung sau:

a) Về tên Chính sách

Hồ sơ Chính sách xác định 03 Chính sách, tuy nhiên, tên Chính sách chưa thật sự phù hợp với yêu cầu tại Điều 9 Thông tư số 26/2025/TT-BTP (theo đó *việc xác định tên chính sách phải căn cứ vào mục tiêu, giải pháp, đối tượng tác động của chính sách. Tên chính sách cần thể hiện được giải pháp để giải quyết một hoặc một số vấn đề của thực tiễn*) theo đó tên chính sách còn thể hiện cả mục tiêu và nội dung giải pháp, do đó, đề nghị nghiên cứu chỉnh lý, chẳng hạn như: Chính sách 1 về *thiết lập cơ chế cấp mã định danh và xác thực điện tử thống nhất, duy nhất cho chủ thể, đối tượng, không gian, dữ liệu và quá trình giao dịch trong quản lý nhà nước, kinh tế - xã hội số* (chính sách này hướng tới mở rộng mã định danh điện tử so với quy định pháp luật hiện hành); Chính sách 3 về *phát triển dịch vụ định danh, xác thực điện tử theo mô hình Nhà nước thiết lập nền tảng, điều phối liên thông; tổ chức, doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ; và công nhận hợp tác quốc tế* nhưng Hội đồng thẩm định cho rằng đây là mục tiêu hướng tới mà không phải là Chính sách.

Bên cạnh đó, tên Chính sách 2 là *xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử, gắn với phát triển ứng dụng định danh quốc gia (VNelD) để khai thác, chia sẻ dữ liệu và cung cấp dịch vụ số thống nhất* nhưng phạm vi nội dung của chính sách rộng hơn tên gọi thể hiện. Ngoài xây dựng Cơ sở dữ liệu còn đề xuất các giải pháp như: *Cấp chữ ký số và phương thức xác*

thực khắc phục vụ dịch vụ công, chuyển đổi số; Ghi nhận mức độ tham gia chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức, cá nhân... Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu chỉnh lý tên Chính sách để bảo đảm bao quát vấn đề cần điều chỉnh.

b) Về xây dựng nội dung Chính sách

Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 26/2025/TT-BTP quy định việc xây dựng Chính sách phải dựa trên việc xác định vấn đề và nguyên nhân của từng vấn đề cần được xử lý bằng chính sách, tuy nhiên, một số giải pháp/chính sách được đề xuất lại chưa thật sự phù hợp với vấn đề và nguyên nhân của từng vấn đề được xác định, ví dụ như: dự thảo Tờ trình xác định cơ sở thực tiễn xây dựng Luật là *quá trình phát triển hạ tầng số quốc gia, triển khai các mô hình đô thị thông minh và mở rộng các nền tảng dịch vụ số trong nhiều lĩnh vực như giao thông, tài chính, y tế, giáo dục đang đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hình thành khung pháp lý về định danh và xác thực điện tử thống nhất, tin cậy và có khả năng liên thông trên phạm vi toàn quốc...* (mục I.2 trang 8), tuy nhiên, tại Chính sách 1 mặc dù đã đưa ra đối tượng định danh điện tử nhưng không đặt ra yêu cầu bắt buộc định danh toàn bộ đối với các đối tượng trong lĩnh vực nêu trên (đề xuất một số đối tượng được định danh điện tử là trên yêu cầu tự nguyện của cá nhân (nội dung đánh giá TTHC tại giải pháp 3))... Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu chỉnh lý để bảo đảm thống nhất trong hồ sơ Chính sách Luật.

2. Chính sách 1. Thiết lập cơ chế cấp mã định danh và xác thực điện tử thống nhất, duy nhất cho chủ thể, đối tượng, không gian, dữ liệu và quá trình giao dịch trong quản lý nhà nước, kinh tế - xã hội

a) Tại Chính sách này, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất giải pháp bổ sung đối tượng thực hiện định danh điện tử so với quy định hiện hành, đồng thời, tại Điều 7 dự thảo Luật quy định đối tượng định danh như: các đối tượng tồn tại dưới dạng phi vật chất; địa điểm, vị trí, không gian; hoạt động, sự kiện, giao dịch, hành vi. Theo đề xuất đối tượng phải định danh điện tử là rất rộng trong hoạt động quản lý nhà nước cũng như trong hoạt động kinh tế - xã hội, do đó, để hoàn thiện thêm giải pháp, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc việc mở rộng đối tượng thực hiện định danh điện tử vì những lý do sau:

Thứ nhất, pháp luật hiện hành đã có quy định về việc định danh điện tử hoặc các cơ chế quản lý có tính chất tương tự như việc định danh điện tử đối với từng nhóm đối tượng cụ thể hoặc theo cách thực hiện khác nhau, trong khi đó, tại hồ sơ Chính sách Luật đề xuất bổ sung các nhóm đối tượng này nhưng chưa

xử lý được mối quan hệ giữa các luật có liên quan về sự tồn tại của các đối tượng đã được định danh điện tử, ví dụ như:

(i) Liên quan đến sản phẩm, hàng hóa: định danh đối với sản phẩm, hàng hóa tại Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa có thể được thực hiện thông qua: truy xuất nguồn gốc hàng hóa (là bắt buộc đối với hàng hóa rủi ro cao, việc truy xuất có thể thực hiện thông qua mã số, mã vạch), mã số, mã vạch⁴; ghi nhãn hàng hóa⁵, nhãn điện tử hoặc hệ chiếu của sản phẩm⁶; mã HS (hệ thống phân loại hàng hóa tiêu chuẩn quốc tế) đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được quy định trong Thông tư 31/2022/TT-BTC ngày 08/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành, Thông tư số 41/2019/TT-BCT ngày 16/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương bổ sung Danh mục chi tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại một số Thông tư của Bộ Công Thương...

Bên cạnh đó, theo từng loại hàng hóa riêng cần quản lý, pháp luật cũng điều chỉnh riêng việc định danh điện tử, ví dụ như:

+ Hóa chất sử dụng mã CAS (Chemical Abstracts Service)⁷ theo quy định tại Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa

+ Thực phẩm: Luật An toàn thực phẩm năm 2010 quy định việc đăng ký bản công bố hợp quy đối với một số loại thực phẩm (Điều 17, 18...). Đồng thời, tại Hồ sơ Chính sách Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) dự kiến đề xuất chính sách *quản lý chuỗi cung ứng thông qua mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc, nhãn điện tử và nền tảng số* (Chính sách 3)...

+ Phương tiện giao thông: chứng nhận đăng ký xe và biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng theo quy định Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ; đăng ký tàu biển theo quy định của Bộ luật Hàng hải; đăng ký quốc tịch tàu bay,

⁴ Theo quy định tại khoản 26, 27 Điều 3 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì *mã số là một dãy số hoặc chữ được sử dụng để định danh sản phẩm, dịch vụ, địa điểm, tổ chức, cá nhân; Mã vạch là phương thức lưu trữ và truyền tải thông tin của mã số bằng: loại ký hiệu vạch tuyến tính (mã vạch một chiều); tập hợp điểm (Data Matrix, QR code, PDF417 và các mã vạch hai chiều khác); chip nhận dạng qua tần số vô tuyến (RFID) và các công nghệ nhận dạng khác.*

⁵ Khoản 1 Điều 3 Nghị định 37/2026/NĐ-CP quy định *Ghi nhãn hàng hóa là thể hiện nội dung cơ bản, cần thiết về hàng hóa trên nhãn hàng hóa để người tiêu dùng nhận biết, làm căn cứ lựa chọn, sử dụng; để nhà sản xuất, kinh doanh thông tin, quảng bá cho hàng hóa của mình và để các cơ quan chức năng thực hiện việc kiểm tra, giám sát*

⁶ Khoản 8 Điều 3 Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa quy định *Hệ chiếu số của sản phẩm là tập hợp các thông tin về sản phẩm và chuỗi cung ứng của sản phẩm đó, được lưu trữ bằng mã vạch hoặc các phương thức phù hợp hoặc thông qua cơ sở dữ liệu thông tin bằng đường dẫn, bảo đảm có thể đọc hoặc kết nối được thông qua thiết bị...*

⁷ Theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP thì CAS (Chemical Abstracts Service) là mã số định danh duy nhất cho các nguyên tố hóa học, các hợp chất hóa học, các polyme, các chuỗi sinh học, các hỗn hợp và các hợp kim.

đăng ký quyền đối với tàu bay theo Luật Hàng không dân dụng; số đăng ký phương tiện bay (mã số định danh phương tiện bay) theo quy định Thông tư 78/2026/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an ngày 05/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn Luật Phòng không nhân dân; Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa theo Luật Đường thủy nội địa; giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt...

+ Phương tiện, thiết bị: Luật Phòng cháy, chữa cháy quy định cấp phép trước khi lưu thông trên thị trường đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy; Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường quy định về dấu kiểm định, tem kiểm định, tem hiệu chuẩn, giấy chứng nhận kiểm định, giấy chứng nhận hiệu chuẩn, giấy chứng nhận thử nghiệm (Điều 23, 24, 25...)...

+ Quản lý theo các tài liệu, giấy tờ được cấp (giấy phép/chứng chỉ/văn bản), ví dụ như: Điều 55 Luật Dược năm 2016 (được sửa đổi, bổ sung năm 2024) quy định về giấy phép đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Luật Chăn nuôi quy định về việc công bố tiêu chuẩn áp dụng hoặc công bố hợp quy, ghi nhãn thức ăn chăn nuôi (Điều 33, 46...); Luật Trồng trọt quy định về công nhận lưu hành, tự công bố lưu hành giống cây, ghi nhãn giống cây trồng (Điều 15, 16, 17, 27...); Luật Thú y quy định Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y, mã số, dấu tem thú y; (Điều 40, 104...); Luật Thủy sản quy định công bố tiêu chuẩn áp dụng và công bố hợp quy đối với thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (Điều 31); Luật Bảo vệ môi trường quy định về nhãn sinh thái đối với sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường (Điều 145...); Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa quy định hàng hóa rủi ro cao phải thực hiện chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (điểm d khoản 4 Điều 5...)...

(ii) Liên quan đến tài sản:

+ Tài sản số: Điều 47, 48 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định về tài sản số (gồm 03 loại tài sản ảo trên môi trường điện tử; tài sản mã hóa và tài sản số khác) và một trong những nội dung quản lý tài sản số là tạo lập, phát hành, lưu trữ, chuyển giao, xác lập quyền sở hữu tài sản số; Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP ngày 09/9/2025 của Chính phủ triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam, trong đó quy định *tài sản mã hóa phải được phát hành dựa trên tài sản cơ sở là tài sản thực không bao gồm tài sản là chứng khoán, tiền pháp định...*

+ Luật Chứng khoán quy định cấp mã chứng khoán trong nước và mã số định danh chứng khoán quốc tế cho các loại chứng khoán đăng ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (điểm c khoản 1 Điều 55).

+ Luật Sở hữu trí tuệ quy định việc quản lý đối với quyền sở hữu trí tuệ thông qua các hoạt động như: (1) Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan; (2) Văn bằng bảo hộ (gồm: Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu và Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý)...

+ Luật Viễn thông và văn bản hướng dẫn Luật này quy định về: số viễn thông (khoản 27 Điều 3 quy định *kho số viễn thông là tập hợp mã, số thuộc quyền quản lý của Việt Nam được quy hoạch thống nhất để thiết lập mạng viễn thông, cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông, dịch vụ ứng dụng viễn thông*)...

(iii) Liên quan đến hồ sơ, tài liệu: Tòa án nhân dân thực hiện định danh hồ sơ vụ án, vụ việc; Nghị định số 113/2025/NĐ-CP ngày 03/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Lưu trữ quy định về mã lưu trữ hồ sơ, mã lưu trữ tài liệu (khoản 2, khoản 5 Điều 2)...

(iv) Một số đối tượng khác như: Luật Giao dịch điện tử năm 2023 quy định về tài khoản giao dịch điện tử (Điều 46) và tài khoản này do chủ quản hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử cấp; Luật Viễn thông quy định về tên miền; mạng xã hội; tài khoản mạng xã hội; Luật Di sản văn hóa quy định về việc kiểm kê di sản...

Thứ hai, về tính hợp lý trong việc tổ chức thực hiện định danh điện tử, đề nghị cân nhắc thêm tính khả thi của việc định danh điện tử đối với các nhóm đối tượng nêu trên vì những lý do sau:

Một là phạm vi đối tượng được đề xuất định danh là rất rộng, đa dạng và không có tính ổn định. Đặc biệt, khác với các chủ thể hoặc tài sản có tính ổn định tương đối, các giao dịch, hành vi, sự kiện hoặc tương tác giữa các đối tượng thường chỉ tồn tại trong một khoảng thời gian ngắn, có số lượng phát sinh rất lớn và biến động theo thời gian thực. Bên cạnh đó, cùng với sự phát triển của khoa học, công nghệ và mô hình kinh doanh mới, giao dịch, sự kiện, hành vi... mới sẽ dẫn đến đối tượng cần được nhận diện, quản lý cũng sẽ thường xuyên xuất hiện, thay đổi hoặc mở rộng. Trong khi đó, ngoài đặt ra yêu cầu định danh đối với các đối tượng này, tại khoản 4 Điều 14 dự thảo Luật còn đề xuất chính sách lưu trữ thông tin về danh tính điện tử với thời gian vĩnh viễn đối với danh

tính điện tử quốc gia và 5 năm đối với danh tính điện tử tự chủ, như vậy điều này có thể dẫn tới một số giao dịch (ví dụ như: mua hoặc bán hoặc hủy đơn hàng, giao dịch...) cũng cần phải lưu trữ trong một khoảng thời gian nhất định Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử hoặc tại hạ tầng của tổ chức, cá nhân.

Hơn nữa, việc xác định thời gian lưu trữ cũng cần đặt trong mối quan hệ với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và mục đích quản lý nhà nước đối với đối tượng định danh điện tử, ví dụ như: Điều 27 Thông tư 14/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về đào tạo lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ quy định thời gian lưu trữ dữ liệu trên hệ thống thông tin, trong đó *dữ liệu DAT lưu trữ tối thiểu là 03 năm, dữ liệu cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ lưu trữ tối thiểu là 50 năm.*

Hai là về mô hình thực hiện định danh (theo hướng định danh tập trung), theo đó cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất Bộ Công an xây dựng Hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia (trong đó có Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử, nền tảng; hệ thống, nền tảng và cơ sở hạ tầng để tổ chức, doanh nghiệp thực hiện định danh điện tử⁸), các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện định danh điện tử có trách nhiệm đồng bộ dữ liệu định danh điện tử của đối tượng do mình quản lý về Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử. Đây là nguồn dữ liệu có quy mô rất lớn, được tạo lập và cập nhật liên tục, phân tán ở nhiều ngành, lĩnh vực và do nhiều chủ thể khác nhau quản lý. Nếu tất cả dữ liệu định danh đều phải đồng bộ hoặc xử lý trên một nền tảng do cơ quan nhà nước cung cấp sẽ đặt ra nhiều yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, năng lực lưu trữ, xử lý, truyền dẫn, đồng bộ và bảo đảm an toàn, an ninh mạng; đồng thời đòi hỏi nguồn lực rất lớn để đầu tư xây dựng, vận hành, nâng cấp và duy trì hoạt động của hệ thống trong dài hạn (của cả cơ quan nhà nước cũng như tổ chức, cá nhân có liên quan). Điều này cũng có thể gây ra nguy cơ về bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu về bí mật kinh doanh. Ngoài ra, với đặc điểm các đối tượng định danh luôn biến động, thường xuyên phát sinh mới, thay đổi hoặc chấm dứt, việc duy trì một cơ sở dữ liệu tập trung đối với toàn bộ các đối tượng sẽ gặp nhiều khó khăn, làm gia tăng áp lực đối với công tác quản trị dữ liệu, kiểm soát chất lượng dữ liệu và phân định trách nhiệm giữa cơ quan quản lý hệ thống trung tâm với các cơ quan, tổ chức là chủ thể trực tiếp tạo lập, cập nhật dữ liệu. Hơn nữa, cũng cần tính đến rủi ro pháp lý từ việc thiết lập mô hình định danh điện tử tập

⁸ Điểm a khoản 2 Điều 8 dự thảo Luật quy định Nhà nước đầu tư, thiết lập hệ thống, nền tảng và cơ sở hạ tầng; tổ chức, doanh nghiệp thực hiện quản trị và tổ chức triển khai hoạt động định danh điện tử trên nền tảng đó

trung trong trường hợp khi hệ thống hạ tầng bị gián đoạn dẫn đến ảnh hưởng đến các hoạt động của đối tượng định danh điện tử.

Ba là tăng chi phí tuân thủ cho hoạt động định danh điện tử (từ phía cơ quan nhà nước cũng như tổ chức, cá nhân) trong quá trình thực hiện định danh điện tử cũng như vận hành hoạt động. Đa số đối tượng dự kiến định danh điện tử (do tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động định danh và xác thực điện tử thực hiện tại khoản 2, 3, 4 Điều 8 Dự thảo Luật) là những đối tượng có sự thay đổi (không bảo đảm sự ổn định). Vì vậy, việc định danh có thể dẫn đến tăng thêm gánh nặng tuân thủ cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi phải thực hiện định danh điện tử. Trong khi đó, theo hồ sơ Chính sách Luật thì các đối tượng sẽ phải thực hiện định danh điện tử thông qua tổ chức định danh điện tử, đồng thời, tổ chức định danh điện tử sẽ phải kết nối dữ liệu định danh điện tử với cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực (khoản 2 Điều 33). Như vậy, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có thể sẽ phải tăng thêm chi phí tuân thủ khi phải thực hiện định danh điện tử đối với các sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, hoạt động... Cơ quan nhà nước sẽ phải bảo đảm kinh phí, nguồn lực để bảo đảm duy trì, lưu trữ một lượng lớn “đối tượng định danh điện tử” cũng như thực hiện đồng bộ khi các đối tượng này có sự thay đổi, hệ thống, nền tảng, cơ sở hạ tầng để tổ chức, doanh nghiệp thực hiện định danh điện tử.

Bốn là một số đối tượng dự kiến định danh điện tử còn khó xác định, có nội hàm rộng, chẳng hạn như: đối tượng định danh là “không gian”, hiện nay pháp luật chưa quy định cụ thể về không gian (như: Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn quy định về không gian đô thị, nông thôn gồm: không gian trên mặt đất, dưới mặt đất, dưới nước tại đô thị, nông thôn (khoản 7 Điều 2), quy hoạch không gian ngầm; Luật Di sản văn hóa quy định về không gian văn hóa; Luật An ninh mạng quy định về không gian mạng...), tại hồ sơ Chính sách cũng chưa dự kiến “không gian” cần phải thực hiện định danh điện tử đối với hành vi trong khi Luật Dữ liệu quy định dữ liệu số (khoản 1 Điều 3 quy định dữ liệu số là dữ liệu về sự vật, hiện tượng, sự kiện, bao gồm một hoặc kết hợp các dạng âm thanh, hình ảnh, chữ số, chữ viết, ký hiệu được thể hiện dưới dạng kỹ thuật số) không bao gồm hành vi.

Thứ ba, chưa xác định được mục đích của việc mở rộng đối tượng thực hiện định danh điện tử, tại hồ sơ Chính sách Luật mới chỉ nêu việc mở rộng đối tượng định danh điện tử. Tuy nhiên, chưa xác định cơ sở, mục đích đề xuất việc mở rộng đối tượng định danh điện tử như tại Điều 7 dự thảo Luật. Trong khi đó, quy định này có thể dẫn đến gia tăng gánh nặng cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong việc thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh (tại Nghị quyết số 68-

NQ/TW cũng đã xác định quan điểm phát triển kinh tế tư nhân: *Tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi, chi phí thấp, đạt chuẩn quốc tế, bảo đảm khả năng cạnh tranh khu vực, toàn cầu*).

Thứ tư, chưa thật sự phù hợp với thông lệ quốc tế, có thể dẫn đến tăng thêm gánh nặng cho các doanh nghiệp, ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa. Trong khi đó, tại hồ sơ Chính sách Luật cũng nêu đa số các quốc gia đều chỉ lựa chọn đối tượng định danh nhất định (gồm: cơ quan, tổ chức, cá nhân; địa điểm, sản phẩm, hàng hóa) mà không mở rộng đến các hoạt động có sự thay đổi thường xuyên (như: hoạt động, giao dịch, sự kiện, hành vi...). Việc mở rộng phạm vi điều chỉnh tới tất cả sản phẩm, hàng hóa (do tại hồ sơ Chính sách chưa xác định đối tượng bắt buộc định danh), đặc biệt, nhiều đối tượng đã được thiết lập mã định danh theo pháp luật chuyên ngành và đang được vận hành ổn định, phù hợp với các quy định, tiêu chuẩn quốc tế, bảo đảm khả năng liên thông quốc tế. Ví dụ như: với sản phẩm, hàng hoá lưu thông hiện nay các mã định danh loại sản phẩm, hàng hoá được thống nhất trên toàn thế giới theo một chuẩn duy nhất, bảo đảm việc giao thương giữa các nước... Việc gán một mã định danh mới cho sản phẩm, hàng hoá không theo thông lệ quốc tế sẽ gây thêm gánh nặng cho doanh nghiệp, có thể ảnh hưởng đến quá trình xuất nhập khẩu hàng hoá, không đáp ứng các điều ước quốc tế Việt Nam tham gia, cụ thể như hàng rào kỹ thuật thương mại WTO/TBT.

Từ những lý do trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc chỉnh lý chính sách này theo hướng xác định rõ phạm vi/nội hàm đối tượng định danh điện tử hoặc giới hạn đối tượng cần định danh điện tử bắt buộc (có thể nghiên cứu đối với: nhóm sản phẩm, hàng hóa có rủi ro cao; các sản phẩm, hàng hóa, giao dịch, hoạt động... có nguy cơ cao gây ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng mà cần phải thực hiện quản lý đặc biệt (như: các giao dịch có giá trị lớn cần báo cáo theo pháp luật về phòng, chống rửa tiền; hoạt động, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ, giao dịch có nguy cơ bị lợi dụng để phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo dự thảo Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; thực phẩm theo dự án Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi)...)). Đồng thời, kế thừa đối với sản phẩm, hàng hoá hoặc các đối tượng khác đã được định danh điện tử hoặc có phương thức quản lý tương tự như định danh điện tử, đề nghị cân nhắc theo hướng định danh theo các lớp/tầng khác nhau như: định danh pháp lý (thông qua số đăng ký lưu hành, mã HS, giấy chứng nhận...); định danh truy xuất dữ liệu (thông qua nhân, mã truy xuất nguồn gốc...); định danh quản lý nhà nước...

b) Pháp luật hiện hành đã có nhiều quy định liên quan đến việc định danh điện tử đối với một số nhóm đối tượng đề xuất tại hồ sơ Chính sách Luật nhưng tại hồ sơ Chính sách Luật chưa đưa ra hướng đề xuất xử lý hoặc có phương án kết nối, liên thông giữa các quy định hiện hành tại hồ sơ Chính sách Luật, ví dụ như:

(i) Định danh điện tử đối với cá nhân, tổ chức (gồm cả tổ chức và người nước ngoài), pháp luật đã quy định: Luật Căn cước năm 2023, trong đó quy định về danh tính điện tử (khoản 13 Điều 3), số định danh của công dân Việt Nam (Điều 12), đồng thời quy định *Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, định danh và xác thực điện tử...* và Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử; Luật Thương mại điện tử năm 2025 do Luật này có quy định về định danh người bán (điểm c khoản 1 Điều 17), người livestream bán hàng (khoản 4 Điều 22), người tiếp thị liên kết (điểm a khoản 1 Điều 25)...

(ii) Định danh sản phẩm, hàng hóa, tài sản, như đã nêu trên, hiện nay một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về định danh điện tử bao gồm cả quy trình thực hiện đối với sản phẩm, hàng hoá, tài sản như: Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, Luật Hải quan, Luật Đo lường;...

3. Chính sách 2. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử, gắn với phát triển Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) để khai thác, chia sẻ dữ liệu và cung cấp dịch vụ số thống nhất

a) Về xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử

Cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất Chính sách xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử, gắn với phát triển Ứng dụng VNeID, theo đó tại các điều 32, 33 và 34 dự thảo Luật quy định về cập nhật, đồng bộ, lưu các thông tin, dữ liệu về định danh và xác thực điện tử; hoạt động xử lý, quản trị, chia sẻ; trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu; mối quan hệ giữa cơ sở dữ liệu quốc gia định danh và xác thực điện tử với cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống thông tin khác; phí, giá khai thác, sử dụng thông tin, đề nghị nghiên cứu, đánh giá kỹ hơn giải pháp này vì các lý do sau:

Thứ nhất, liên quan đến cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin định danh và xác thực điện tử, pháp luật hiện hành đã có nhiều văn bản quy định về vấn đề này, ví dụ như:

- Luật Căn cước quy định: hệ thống định danh và xác thực điện tử (kết nối, chia sẻ, khai thác tại Điều 32, Bảo đảm cơ sở hạ tầng thông tin tại Điều 35, Bảo

đảm kinh phí và cơ sở vật chất phục vụ hoạt động tại Điều 37, trách nhiệm của Bộ Công an đối với hệ thống này tại Điều 41); ứng dụng định danh quốc gia; nền tảng định danh và xác thực điện tử...

- Luật Giao dịch điện tử quy định về quản lý dữ liệu, cơ sở dữ liệu dùng chung; đồng thời giao *Chính phủ quy định việc xây dựng, cập nhật, duy trì và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia; quy định việc chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia với cơ sở dữ liệu của cơ quan khác của Nhà nước* (điểm đ khoản 3 Điều 40); trong đó Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, trong đó quy định danh mục cơ sở dữ liệu bắt buộc chia sẻ (Điều 8), phương thức kết nối, chia sẻ dữ liệu (Điều 7), kết nối, chia sẻ dữ liệu trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương, địa phương (Điều 12)...

- Luật Dữ liệu quy định chung liên quan đến quản lý, quản trị dữ liệu như: thu thập, tạo lập dữ liệu (Điều 11); lưu trữ; kết nối, chia sẻ, điều phối dữ liệu (Điều 17); nền tảng định danh và xác thực điện tử là một trong những phương thức khai thác và sử dụng dữ liệu (điểm c khoản 4 Điều 35)...

Như vậy, pháp luật hiện hành đã hình thành nhiều hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và nền tảng phục vụ hoạt động định danh, xác thực điện tử. Các hệ thống này đều thực hiện chức năng lưu trữ, quản lý, khai thác hoặc xác thực thông tin theo phạm vi quản lý khác nhau. Do đó, cần tiếp tục làm rõ sự cần thiết của việc xây dựng thêm Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử, cũng như mối quan hệ với các hệ thống hiện có nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp.

Thứ hai, về thẩm quyền, điểm đ khoản 3 Điều 40 Luật Giao dịch điện tử quy định Chính phủ quy định việc xây dựng, cập nhật, duy trì và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia; quy định việc chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia với cơ sở dữ liệu của cơ quan khác của Nhà nước. Theo đó, thẩm quyền quy định việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia thuộc Chính phủ.

Thứ ba, về phí khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về định danh và xác thực điện tử, cơ quan chủ trì soạn thảo dự kiến bổ sung quy định về phí khai thác và sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia định danh và xác thực điện tử tại hồ sơ Chính sách Luật, đồng thời, tại Điều 35 dự thảo Luật quy định đối tượng thanh toán chi phí và giao Chính phủ quy định. Tuy nhiên, liên quan đến phí sử dụng cơ sở dữ liệu, Điều 44 Luật Dữ liệu đã quy định *Phí khai thác và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác* và giao Bộ Tài chính quy định vào mục XIII phần A phụ lục số 01 kèm theo Luật Phí, lệ phí. Do đó, giải pháp này là cần nhắc thêm.

b) Về giải pháp chữ ký số và phương thức xác thực khác phục vụ dịch vụ công, ghi nhận mức độ tham gia chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức, cá nhân

Cơ quan chủ trì soạn thảo dự kiến bổ sung giải pháp về chữ ký số và phương thức xác thực khác phục vụ dịch vụ công, ghi nhận mức độ tham gia chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên Ứng dụng VNeID, đề nghị cân nhắc giải pháp này vì những lý do sau:

Thứ nhất, về chữ ký số (chữ ký điện tử định danh quốc gia), cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung chữ ký số trên Ứng dụng VNeID, đồng thời sửa điểm c khoản 1 Điều 22 Luật Giao dịch điện tử để chuyển từ chữ ký số thành chữ ký điện tử định danh quốc gia. Như vậy, xét về bản chất pháp lý và giá trị sử dụng, chưa làm rõ sự khác biệt về bản chất pháp lý, phạm vi áp dụng và giá trị sử dụng so với cơ chế chữ ký số đang được pháp luật hiện hành quy định. Trong khi đó, hiện nay, hệ thống chứng thực chữ ký số công cộng (như: hạ tầng kỹ thuật, các nền tảng tích hợp và mạng lưới tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng...) đã được đầu tư và sử dụng ổn định, vì vậy, việc đầu tư hệ thống, công nghệ phục vụ tạo lập chữ ký điện tử với độ an toàn, bảo mật cao đòi hỏi chi phí lớn để đầu tư xây dựng, phát triển trên Ứng dụng VNeID là cần cân nhắc thêm. Trong khi đó, chữ ký số công cộng trên Ứng dụng VNeID để cung cấp cho người dân đã và đang được triển khai (hiện nay, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 dự thảo Nghị quyết công dân số thì người dân được cung cấp dịch vụ chữ ký số cá nhân miễn phí; đồng thời điểm này cũng quy định một trong những chức năng của Ứng dụng VNeID là cung cấp dịch vụ chữ ký số doanh nghiệp, có giá trị pháp lý để thực hiện giao dịch số, thực hiện ký số bằng ứng dụng định danh quốc gia VNeID).

Bên cạnh đó, tại hồ sơ Chính sách Luật mới chỉ giải quyết về kỹ thuật tên gọi chữ ký số mà chưa xử lý mối quan hệ giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong việc quản lý chữ ký số (Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban Cơ yếu Chính phủ). Do đó, để tận dụng hạ tầng kỹ thuật đã được đầu tư, tránh trùng lặp và bảo đảm phù hợp với chủ trương khai thác hiệu quả hạ tầng số hiện có, đề nghị nghiên cứu theo hướng Ứng dụng VNeID nên đóng vai trò là nền tảng tích hợp định danh vào hạ tầng chữ ký số hiện có.

Thứ hai, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất giải pháp ghi nhận mức độ tham gia chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhưng chưa rõ cách thức thực hiện (như: tiêu chí đánh giá, phương thức ghi nhận, cơ quan có thẩm quyền thực hiện, giá trị pháp lý của kết quả ghi nhận cũng như mục đích sử dụng các thông tin này trong hoạt động quản lý nhà nước), mục đích của việc ghi nhận mức độ tham gia chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Trong khi đó,

Luật Chuyển đổi số quy định trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc thống kê, đo lường, giám sát, đánh giá hiệu quả chuyển đổi số (Điều 30), thống kê, đánh giá hoạt động kinh tế số (Điều 39); khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị quyết phát triển công dân số quy định triển khai Hệ thống Điểm công dân số trên nền tảng định danh và xác thực điện tử VNeID. Như vậy, cùng liên quan đến hoạt động chuyển đổi số, có nhiều cách thức khác nhau ghi nhận và do các chủ thể khác nhau thực hiện, điều này có thể dẫn tới chồng chéo trong quá trình tổ chức thực thi. Do đó, đề nghị cân nhắc thêm về giải pháp này. Trường hợp giữ nguyên như đề xuất cần làm rõ phạm vi áp dụng, mục tiêu quản lý, phương thức triển khai, cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện, đồng thời xác định rõ mối quan hệ với các cơ chế thống kê, đánh giá về chuyển đổi số và Hệ thống Điểm công dân số đang được quy định trong các văn bản pháp luật có liên quan, bảo đảm không trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ và nâng cao hiệu quả tổ chức thực thi.

c) Về giải pháp tích hợp nền tảng thanh toán quốc gia phục vụ an sinh xã hội

Cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất giải pháp tích hợp nền tảng thanh toán quốc gia phục vụ an sinh xã hội vào Ứng dụng VNeID nhằm mục đích bảo đảm sự thống nhất với các quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và quản lý ngân sách, góp phần tăng tính minh bạch, an toàn và khả năng kiểm soát trong thực thi chính sách, tuy nhiên, đề nghị cân nhắc nghiên cứu chỉnh lý phạm vi tích hợp trong giải pháp này vì những lý do sau:

Thứ nhất, chưa rõ mục đích/nội hàm của nội dung “phục vụ an sinh xã hội”, trong khi đó, hiện nay tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động giao dịch liên quan đến thanh toán, chuyển tiền... diễn ra liên tục, thường xuyên và các hoạt động này đã được điều chỉnh tương đối đầy đủ bởi pháp luật chuyên ngành về ngân hàng, trung gian thanh toán, giao dịch điện tử... Đồng thời được thực hiện thông qua hạ tầng hoặc hệ thống của các tổ chức tín dụng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán... Do đó, việc tiếp tục mở rộng chức năng của Ứng dụng VNeID để trực tiếp thực hiện tích hợp toàn diện các giao dịch có thể tăng thêm gánh nặng về kinh phí cả từ cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân có liên quan. Hơn nữa, hiện nay, các tài khoản thanh toán đã được xác thực điện tử và gắn với danh tính điện tử của tổ chức, cá nhân.

Thứ hai, cần xác định rõ vai trò của Ứng dụng VNeID cung cấp các tiện ích công gắn với quản lý nhà nước, vì vậy, việc tích hợp các dịch vụ tài chính nên được xem xét theo hướng sử dụng ứng dụng như một phương thức xác thực, khởi tạo hoặc kết nối đến các nền tảng cung ứng dịch vụ, thay vì phát triển thành một nền tảng thanh toán hoặc ứng dụng tài chính đa năng. Việc mở rộng không chỉ làm gia tăng chi phí đầu tư, vận hành, yêu cầu bảo đảm an toàn, an ninh

thông tin mà còn có thể làm phát sinh rủi ro trong quản trị hệ thống cũng như ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân khi giao dịch bị gián đoạn.

Thứ ba, kinh nghiệm quốc tế cho thấy nhiều quốc gia lựa chọn mô hình tách bạch giữa hạ tầng định danh số do Nhà nước quản lý và hạ tầng thanh toán do khu vực ngân hàng hoặc doanh nghiệp cung cấp. Nhà nước chủ yếu bảo đảm cơ chế định danh, xác thực và chia sẻ dữ liệu theo quy định pháp luật, trong khi các dịch vụ thanh toán, ví điện tử và các giao dịch tài chính được thực hiện thông qua các ứng dụng dân sự, thương mại do các tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp công nghệ phát triển trên cơ sở kết nối, khai thác dịch vụ định danh của Nhà nước...

Từ các phân tích trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ phạm vi/mục đích “phục vụ an sinh xã hội”, đồng thời cân nhắc chỉ giới hạn ở các chức năng phục vụ quản lý nhà nước (có thể là chi trả các *hoạt động an sinh từ ngân sách nhà nước*), hỗ trợ người dân tra cứu, tiếp nhận thông tin, xác thực danh tính và kết nối với các hệ thống chi trả, thanh toán của cơ quan có thẩm quyền hoặc của các tổ chức cung ứng dịch vụ hợp pháp, phạm vi tích hợp theo hướng như đề xuất tại hồ sơ chính sách Luật.

4. Chính sách 3. Phát triển dịch vụ định danh, xác thực điện tử theo mô hình Nhà nước thiết lập nền tảng, điều phối liên thông; tổ chức, doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ; và công nhận hợp tác quốc tế

a) Về giải pháp công nhận lẫn nhau trong lĩnh vực định danh và xác thực điện tử

Cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất giải pháp công nhận lẫn nhau trong lĩnh vực định danh và xác thực điện tử, tuy nhiên, để bảo đảm tính khả thi trong việc đề xuất giải pháp này, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu làm rõ một số nội dung sau:

Thứ nhất, kinh nghiệm của các nước trong việc thực hiện định danh và xác thực điện tử, qua bước đầu nghiên cứu, hiện nay chưa có một chuẩn mực thống nhất về việc định danh và xác thực điện tử, mỗi quốc gia xây dựng hệ thống định danh điện tử theo mô hình, tiêu chuẩn kỹ thuật, mức độ bảo đảm, phương thức xác thực và cơ chế quản lý khác nhau. Ví dụ như: Liên minh châu Âu áp dụng quy định về nhận dạng và tin cậy điện tử (eIDAS) với các mức bảo đảm thấp (low), trung bình (substantial) và cao (high); Singapore sử dụng Singpass; Hàn Quốc và Nhật Bản xây dựng hệ thống trên cơ sở mã số định danh quốc gia; Hoa Kỳ không xây dựng một hệ thống định danh điện tử quốc gia

thống nhất mà chủ yếu dựa trên khu vực tư nhân và các tiêu chuẩn của bộ quy tắc, hướng dẫn kỹ thuật và khung bảo mật (NIST)⁹...

Thứ hai, phát sinh nhiều vấn đề về chủ quyền dữ liệu và trách nhiệm pháp lý, việc công nhận danh tính điện tử của nước ngoài đồng nghĩa với việc Việt Nam phải dựa vào kết quả định danh, xác thực được thực hiện bởi cơ quan hoặc tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam. Điều này có thể làm phát sinh rủi ro trong quá trình thực hiện và đặt ra nhiều vấn đề liên quan đến trách nhiệm pháp lý của các chủ thể có liên quan. Trong khi, tại hồ sơ Chính sách giao cơ quan nhà nước hoặc bên sử dụng dịch vụ xác thực điện tử tại Việt Nam quyết định việc công nhận đối với danh tính điện tử và kết quả xác thực điện tử do tổ chức không thuộc cơ quan nhà nước nước ngoài cung cấp (khoản 2 Điều 43 dự thảo Luật)

Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 19 Luật Giao dịch điện tử quy định *chứng thư điện tử do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp để được công nhận và sử dụng tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn theo quy định của pháp luật Việt Nam*. Như vậy, Luật Giao dịch điện tử đã có quy định công nhận chứng thư điện tử do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp.

b) Cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất Chính sách phát triển dịch vụ định danh, xác thực điện tử theo mô hình Nhà nước thiết lập nền tảng, điều phối liên thông; tổ chức, doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ, trong khi đó, tại giải pháp lại đề xuất mô hình xác thực điện tử gồm: mô hình xác thực tập trung, mô hình xác thực trung gian và mô hình xác thực tự chủ. Đồng thời, tại điểm a khoản 2 Điều 8 dự thảo Luật cũng chỉ quy định Nhà nước đầu tư, thiết lập hệ thống, nền tảng và cơ sở hạ tầng; tổ chức, doanh nghiệp thực hiện quản trị và tổ chức triển khai hoạt động định danh điện tử trên nền tảng đó đối với định danh điện tử, do đó, đề nghị nghiên cứu chỉnh lý bảo đảm thống nhất.

VIII. Các nội dung chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các Bộ, ngành khác (tài chính - ngân sách; ưu đãi đầu tư...) không thuộc nội dung, phạm vi thẩm định theo quy định tại Điều 31 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và không thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp (theo quy định tại Nghị định số 09/2026/NĐ-CP ngày 10/01/2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp) nên Bộ Tư pháp không có ý kiến. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tổng hợp đầy đủ ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức liên quan để nghiên cứu hoàn thiện hồ sơ Chính sách Luật bảo đảm tính khả thi, phù hợp.

⁹ Đại diện Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ...

IX. KẾT LUẬN

Trên cơ sở ý kiến thẩm định từng nội dung nêu trên, Hội đồng thẩm định và Bộ Tư pháp nhận thấy hồ sơ Chính sách Luật đủ điều kiện trình Chính phủ sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý và giải trình đầy đủ các nội dung theo ý kiến thẩm định tại Báo cáo này, trong đó lưu ý hoàn thiện các nội dung sau: 1) phạm vi chính sách được đề xuất; 2) về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh; nguồn tài chính; nguồn nhân lực; 3) nội dung góp ý cụ thể đối với các chính sách...

Trên đây là nội dung báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp đối với hồ sơ Chính sách Luật Định danh và xác thực điện tử, xin gửi Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Công an (để biết);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Vụ CTXDVBQPPL (để biết);
- Lưu: VT, PLSHC&QLXLVPHC (Nhi, 2b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Tịnh